



TS. NGUYỄN VĂN KHOAN



ĐI TỚI MÙA XUÂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



TS. NGUYỄN VĂN KHOAN

**ĐI TỚI
MÙA XUÂN
TƯ TƯỞNG
HỒ CHÍ MINH**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn sách các bạn có trong tay tập hợp một số bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh của tiến sĩ sử học Nguyễn Văn Khoan, đã được công bố trên các sách báo, tạp chí, kỳ yếu hội thảo... từ những năm 80 của thế kỷ trước đến nay.

Chủ đề xuyên suốt công trình là quá trình phát triển tư tưởng của một người Việt Nam yêu nước vĩ đại, từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành ra đi tìm đường cứu nước, rồi trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, lãnh tụ của dân tộc, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.

Trên cơ sở một tình thân yêu nước mãnh liệt, lại nắm bắt được bản sắc của văn hoá dân tộc, anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã "phát hiện" đúng cái hay của chủ nghĩa Mác là phép biện chứng để rồi vận dụng vào hoàn cảnh Việt Nam một cách đầy sáng tạo, thúc đẩy cách mạng Việt Nam vượt qua muôn trùng trở ngại, khó khăn để không ngừng tiến tới.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trước sau kiên trì tư duy độc lập của mình về một xã hội phương Đông, về động lực cách mạng của chủ nghĩa dân tộc. Chính vì vậy mà đã từng có một thời gian dài, Người không được Quốc tế Cộng sản ủng hộ. Cả đến khi tư tưởng của Người

đã được thực tiễn cách mạng và khoa học chứng minh là đúng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vẫn không phải không có lúc, có người tìm cách hạn chế, bao vây, dùng đa số làm áp lực buộc phải noi theo. Nhưng với bản lĩnh vững vàng, với tinh thần đấu tranh kiên định, Người vẫn luôn hướng tới hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc mình và mở rộng ra cho các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên toàn thế giới.

*Qua các bài viết, có bài thì tương đối sâu, có bài chỉ mới là phác thảo, nhưng người đọc nhận thấy tác giả rất tâm đắc với đề tài mình ấp ủ, chắc rằng ông còn có dịp đi sâu hơn, viết kỹ hơn trong thời gian tới về đề tài đầy hứng thú này. Với tên sách: **Đi tới một mùa Xuân tư tưởng Hồ Chí Minh**, tác giả khẳng định lòng tin vững chắc của mình vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng Việt Nam, lúc đó, một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh sẽ được thiết lập cho mỗi người, mỗi gia đình, cho cả nước, không những vậy còn mở rộng ra các dân tộc trên toàn thế giới. Mà rõ ràng lòng tin đó không chỉ của riêng tác giả, mà cũng là lòng tin của toàn thể chúng ta.*

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc rộng rãi trong cả nước.

Hà Nội, tháng 6-2006

Giáo sư ĐÌNH XUÂN LÂM

MÙA XUÂN CÁI THIỆN, CÁI ÁC^(*)

Từ khi con người sống thành xã hội, Thiện và Ác luôn đấu tranh gay gắt với nhau. Dân tộc nào cũng gần như có chung một cách phân xét: Ác là xấu, Thiện là tốt. Cái tốt nhất định thắng cái xấu. Cái Thiện nhất định thắng cái Ác.

Thiện và Ác được phản ánh khá sâu sắc trong văn học dân gian thế giới.

Tục ngữ Đức có câu: *"Cái ác tàn bạo nhất là cái ác thâm lặng nhất, như sự độc ác vô cùng của con chó đại"*. Người Pháp cảnh giác: *"Ngọn lửa độc ác tưởng đã nguội rồi nhưng thường lại đang ngủ trong đồng tro"*. Danh ngôn La tinh nhắc nhở: *"Ác là một cơn giận chỉ chờ dịp trả thù"*. Đánh giá sức mạnh, nhà văn Pháp Alphonse Daudet phát hiện rằng: *"Độc ác là cơn thịnh nộ của những kẻ yếu hèn"*.

Ở nước ta, nhân dân thường nhắc đến hai câu đầu của sách *Tam tự kinh* (Kinh ba chữ) của Trung Quốc, Nho giáo cổ: *Nhân chi sơ, tính bản thiện* (Con người mới sinh vốn lành). Nhưng nhân dân lại ít nói đến câu tiếp: *Tính tương cận, tập tương viễn* (Ý nói do thói quen của xã hội làm cho mỗi ngày mỗi xa đức thiện).

(*) Tạp chí Nhà báo và công luận số Xuân 1992.

35 năm trước, năm 1956, tại trường Đại học Nhân dân Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Nhà nước lo làm cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người, thế là Thiện. Mỗi người chúng ta nên hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thế là Thiện. Nếu chỉ lo lợi ích của mình, không lo đến lợi ích chung của nước nhà, của dân tộc, thế là Ác. Nếu phạm phải quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lười biếng, thế là Ác”*.

Người nói tiếp:

“... Bản thân chúng ta đều ảnh hưởng của xã hội cũ hoặc nhiều hoặc ít. Cho nên trong mỗi người chúng ta nhờ sự giúp đỡ, giáo dục của Đảng, của chính phủ, sự cố gắng học tập và cải tạo... thì cái Ác trong mình chúng ta ngày càng bớt, cái Thiện ngày càng tăng”.

Theo lời dạy và cũng là điều mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cái Thiện phải có từ mỗi con người là ông bà, cha mẹ, là anh chị, là con cháu của mọi nhà. Cái Thiện như tấm gương trong, phải từ mỗi “đầy tớ nhân dân” lãnh đạo, quản lý cao nhất của mỗi cộng đồng, mỗi nhà nước, chính phủ, đoàn thể “xuống” đến người thấp nhất trong bộ máy đó.

Cái Thiện của mỗi người, mỗi gia đình - tế bào của xã hội - mỗi tập thể người, mỗi quốc gia sẽ đóng góp chung vào cái Thiện của Đất - Trời, của nhân loại.

12 năm sau, vào tháng 6 năm 1968, trong khi trao đổi với một số cán bộ phụ trách xuất bản loại sách *Người tốt, việc tốt* (có thể hiểu là người Thiện, việc Thiện?), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở: *“Mỗi người đều có cái Thiện và Ác ở trong lòng. Ta phải biết làm sao cho phần tốt ở*

trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi. Đó là thái độ của người Cách mạng”.

Sống với điều Thiện là trồng thêm nhiều cây hoa cho quả ngọt vào *Vườn Xuân Cuộc Đời* được thắm, đồng thời hạn chế bớt đi những cỏ ác sinh sôi, nảy nở...

Được như vậy, cái ác xấu xa, bẩn tiện, dê hèn, ghê tởm như cái gai bần làm thối da thịt, như nhọt ung thư hoại tử cơ thể, như rắn độc trong tim, trong nhà, như sói lang trong làng, trong xóm sẽ không còn “dắt” mà tồn tại.

35 năm, nhắc lại những mong ước điều Thiện cho dân, cho nước của Bác Hồ muôn vàn kính yêu, nhân Xuân mới Nhâm Thân (1992) này, xin mỗi chúng ta, mỗi gia đình treo cho một câu đối trong lòng ta và trong nhà ta:

Xuân mới, người người trồng hoa Thiện

Tết về, chốn chốn diệt ác lang.

ĐI TỚI MỘT MÙA XUÂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH^(*)

Một cây cổ thụ trăm năm tuổi trong rừng đại ngàn đã tìm thấy, được “đánh dấu” mới hơn một mùa xuân.

Bám rễ sâu trong đất, hút nước mạch nguồn, tiếp nhận phần sáng bốn hướng mặt trời, toả bóng che khi nắng cháy, đỡ gió lúc trời giông, cây đại thụ ấy đã nảy mầm sống cho bao nhiêu lá, cành, hoa, trái.

Giữa những tiếng bom đạn của văn minh, hiện đại, mù mịt góc trời vùng Vịnh, theo những dòng nước mắt nỗi dài mãi của các bà mẹ ở những miền đất một thời yên lành nay nổi sóng sắc tộc, con người lại hướng về miệt vườn Việt Nam - Hồ Chí Minh - gửi gắm yên tĩnh của lương tri, bằng an của tâm hồn, hy vọng của hoà hợp.

Cây đại thụ tư tưởng Hồ Chí Minh trong miệt vườn xanh ấy đã có những quả ngọt đầu mùa.

Còn khá đông người chưa đến được với gốc cây. Có người, chân đứng dưới bóng mát của cây mà tâm thì như bề cảnh bằng hành động bất nhân nghĩa, vô lương tâm. Ước mong của nhiều người khác muốn tìm hiểu cội nguồn cây hiếm quý đó mà chưa có điều kiện.

Đầu Xuân, nên chăng, hãy hành hương về cuộc sống hàng ngày của mình, tới cây phúc, lộc, thọ, Khang, Ninh ấy.

Cuộc đi tới một mùa Xuân cho ta và còn có thể là cho cả láng giềng, bè bạn...

(*) Tạp chí Nhà báo và công luận số tháng 1-1993.

VÌ MỘT MÙA XUÂN CHO TRIỆU TRIỆU CON NGƯỜI^(*)

Từ năm 1883, các cường quốc châu Âu và châu Mỹ đã đẩy bánh xe chủ nghĩa thực dân đi thêm những chặng đường mới. Năm 1885, việc phân chia thuộc địa ở châu Phi đã hoàn tất. Năm 1918 và tiếp sau đó với Hiệp ước Véc-xây năm 1919, những phần đất của châu Á, châu Úc và châu Đại Dương còn lại cũng đã được “xí phần” đầy đủ.

Năm 1900, thế giới bước vào thế kỷ XX với hàng trăm dân tộc bị áp bức và trên 100 nước thuộc địa với số dân khoảng 800 triệu người, chiếm gần 70% dân số toàn thế giới.

Trong điều kiện thế giới lúc đó, Mác và Ăng-ghe-n chưa thể nhận sứ mệnh giải quyết vấn đề thuộc địa. Năm 1851, Mác mới có được một số thông tin ít ỏi về “xứ Bắc Kỳ và Nam Kỳ”. Ăng-ghe-n chỉ hai lần đề cập đến Đông Dương vào năm 1895 và 1896. Lê-nin, trước sau có bốn lần nói đến vùng đất hình chữ S này, lần đầu vào năm 1905, lần cuối vào năm 1916.

Năm 1919, trong Tuyên ngôn thành lập Quốc tế III, có một câu: *“Công nhân và nông dân không những ở An Nam, An-giê-ri, Ben-gan mà cả ở Ba-tư, Ăc-mê-ni-a... chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân nước Anh và Pháp lật đổ chính quyền nhà nước vào tay mình”*.

(*) Báo Sài Gòn giải phóng, số ngày 29-5-1993.

Tiến sỹ pháp lý Mỹ La tinh De Stéphano cho rằng: *"Cho tới lúc đó, chưa từng có một ai của các dân tộc áp bức đã lên án nhiều lần sự bóc lột các dân tộc thuộc địa như Nguyễn Ái Quốc"*. Maurice Thorez? - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp công nhận rằng: *"Chỉ có Hồ Chí Minh là người duy nhất có trình độ tư duy về vấn đề (thuộc địa) này"*.

Con người nhỏ bé về thân hình, vĩ đại trong tư duy là Nguyễn Ái Quốc đã tình nguyện chấp nhận sứ mệnh mà lịch sử đã giao cho.

Vượt qua bao nhiêu khó khăn, trần trở, chịu đựng lời trách của Phan Châu Trinh: *"Tôi (Phan Châu Trinh) không thích chính sách "ngoạ ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội"⁽¹⁾ của anh (Nguyễn Ái Quốc), nhưng vẫn kỳ vọng rằng việc lớn chỉ còn trông cậy vào anh mà thôi"*. Các đồng chí thâm niên trong phong trào cộng sản, công nhân không phải tất cả đều tán thành tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Các đồng chí trong nước, kể cả những người hôm qua còn là học trò của lớp huấn luyện Quảng Châu, cũng đã có người này nghe người khác *"không đồng tình với phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc"*, thậm chí còn phê phán quyết liệt...

Sự hi sinh của Bác thâm trầm, sâu lắng, để cho chúng ta có lúc nghĩ lại thấy day dứt.

Mong ước của Bác là đem lại hạnh phúc cho con người của mọi dân tộc. Ngay cả những đối tượng đấu tranh của nhân dân Việt Nam cũng đã nói: *"Cụ Hồ không có kẻ thù"*. Người châu Mỹ La tinh rất sòng phẳng cho rằng: *"Lịch sử đã chứng minh những nhân vật vĩ đại đều có kẻ gièm pha, nhưng trong trường hợp Hồ Chí Minh thì"*

(1) Ngồi ở nước ngoài, chiêu mộ người tài giỏi, chờ đợi thời thế trở về đất nước.

không nhiều". Người Nhật Bản công nhận rằng: "Hồ Chí Minh là nhân vật duy nhất ở Nhật Bản mà từ khi người Nhật biết đến vẫn giữ nguyên được hình ảnh của Người trong lòng mình".

Cho đến năm 1975, khi mùa Xuân trọn vẹn đã về với Việt Nam, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử, theo thống kê của Liên Hợp quốc, trên thế giới này chỉ có *"70 triệu dân còn bị nô lệ, hệ thống thuộc địa cơ bản đã bị thủ tiêu"*. Như vậy là trong thế kỷ XX, hàng trăm triệu con người trong các nước thuộc địa đã được giải phóng, đã biết có mùa Xuân cho mình, cho dân tộc mình. Các nhà lịch sử chân chính đều nhất trí đánh giá: *"Sự giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX là một trong những sự kiện vĩ đại nhất, không thể không công nhận sự đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh"*.

Vì vậy, tổ chức UNESCO của Liên Hợp quốc đã công nhận Hồ Chí Minh là một *"biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của một dân tộc... đã góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"*.

MÙA XUÂN VÀ HAI CHỮ “ĐỒNG BÀO” THEO Ý CỤ HỒ

Các nhà “Hồ Chí Minh học” cho rằng anh Nguyễn Tất Thành được nghe hai chữ đồng bào khi anh đang theo học năm thứ hai tại Trường Quốc học Huế.

Năm ấy, nông dân miền Trung nổi dậy, chống sưu thuế, rầm rập di biểu tình, đòi quyền lợi... Để tỏ tình đoàn kết nhất trí, họ đều cắt tóc ngắn và gọi nhau là đồng bào⁽¹⁾.

Trước ngày đi ra bên ngoài, xem nước Pháp và các nước khác, Nguyễn Tất Thành đã xác định mục đích là sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta...

Vốn kiến thức chữ Hán đã giúp anh thanh niên Thành hiểu rằng nghĩa hẹp của đồng bào là con chung một lòng cha, một lòng mẹ đẻ ra. Theo nghĩa rộng thì Trời là cha lớn, Đất là mẹ lớn, tất cả loài người là con chung một bọc mà ra, nên có câu nói rằng “Bốn bể đồng bào, thế giới đồng bào”⁽²⁾.

Trong thời gian hoạt động học tập làm chính trị ở Pháp, những năm 20 của thế kỷ XX - anh Thành bấy giờ có tên là Nguyễn Ái Quốc - đã phân biệt được thế giới chỉ

(1) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 1969, tr.9.

(2) Đào Duy Anh, *Hàn - Việt từ điển*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr.302.

có hai loại người: loại đi bóc lột và loại bị bóc lột. Nguyễn Ái Quốc quan niệm rằng nhân dân lao động, trong thế kỷ XX bị bọn đế quốc thực dân áp bức bóc lột thì dù màu da, tiếng nói có khác nhau, nhưng đều là ruột thịt.

Quan san muôn dặm một nhà

Bốn phương vô sản đều là anh em...

Anh em cùng một bào thai sinh ra, đồng bào cùng một bọc sinh ra...

Bao nhiêu năm lưu lạc ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc vẫn ngày đêm mong được trở lại sống trong tình yêu Tổ quốc, nghĩa nặng đồng bào..., như con chim Việt khi đậu trên cành cây bao giờ cũng quay đầu về phía Nam...

Nguyễn Ái Quốc đã từng viết thư nhờ một đồng bào có tin gì mới mách cho biết. Người cũng đã bao lần thưa đồng bào trong xã, trong huyện, đồng bào cả nước... Đối với nhân dân lao động các nước bạn, Người cho rằng đồng bào:

Lọ là thân thiết ruột rà

Vì theo Người:

Công nông thế giới đều là anh em...

... Nước xa mà lòng không xa,

Thật là bầu bạn, thật là anh em...

Mùa xuân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh là mùa xuân, xuân cả thế gian. Cho dù:

Quan san xa cách, tinh thần không xa

Và nếu:

Ngàn trùng nước biếc non xanh

Người vẫn:

Gửi trao nước bạn môi tình anh em

Hoặc:

... Môi tình hữu nghị sắt son.

Sông có thể cạn,

Núi có thể mòn,

Tinh thần đoàn kết dài còn muôn thu...

Thật là khó hiểu mà cũng dễ hiểu thôi, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh thân ái kêu gọi đồng bào Hoa kiều ở trên đất Việt Nam là anh em láng giềng, Trung Quốc, Việt Nam vốn là người cùng một nhà, cảm ơn đồng bào tín đồ Phật giáo, lại trở nên bạn bè thân thiết với người Mỹ S. Phen như anh em một nhà.⁽¹⁾

Trong một lần gặp gỡ với cán bộ quân đội, Người có nói: Giải thích cho đồng bào địa chủ hiểu quy luật phát triển của lịch sử là chế độ phong kiến sẽ không còn tồn tại...

Đây là Người đã hiểu chữ “đồng bào” của thánh hiền theo nghĩa rộng. Không phải chỉ hiểu để biết mà Người còn thực hiện, còn thực hành... Và thực tiễn thời đại đã chứng minh rằng Người đúng.

Sau hàng trăm năm bị nô lệ, nhân dân lao động các nước châu Á, châu Phi... đã bẻ gãy gông xiềng của thực dân, bước đầu đi vào kỷ nguyên độc lập dân tộc... Thế nhưng, những năm gần đây, ở châu Á, châu Phi và ngay cả châu Âu, con quỷ ám sắc tộc đã gieo rắc bao nhiêu hận thù trong trái tim con người mỗi hôm qua còn là anh em, đồng bào của nhau...

Quan điểm, lòng mong mỏi của Cụ Hồ là mong sao mỗi năm xuân về không chỉ riêng cho ai mà cho tất cả thế gian này, cho tất cả bốn phương vô sản anh em, cho bốn bể đồng bào... Thực hiện được hai chữ đồng bào ấy, theo ý Cụ Hồ phải chăng là mùa xuân nhân loại đã đến? Phải chăng là hy vọng cho mọi thời đại sau Hồ Chí Minh?

(1) S. Phen, *Phác thảo tiểu sử Hồ Chí Minh*, NXB Studio Vesta, London, 1973, tr 80.

DI CHÚC BÁC HỒ - MỘT NÉT TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH TRONG MỘT “MÙA XUÂN NHÂN LOẠI”^(*)

“Trong lịch sử nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng đề cập tới số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải toả khỏi những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người. Đó chính là tư tưởng, nhân văn, nhân đạo được thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những giác ngộ khác nhau”⁽¹⁾.

Sinh ra và lớn lên trong một đất nước văn hiến, đã từng “*Lấy chí nhân để thay cường bạo*”, với một cộng đồng dân cư từ ngàn năm đã biết “*Thương người như thể thương thân*”, từng lưu truyền qua bao nhiêu thế hệ rằng “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”, cậu bé Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành không những chỉ tiếp nhận những yếu tố nhân đạo, nhân văn ấy qua lời ru của bà, của mẹ, trong những hội hè hát phường vải mà còn cả trong sách vở của tiên nhân.

(*) Tham luận tại Hội nghị khoa học về thực hiện Di chúc của Bác Hồ, Hà Nội, 2004.

(1) Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 1997, tr 227.

Không chịu cảnh sống nô lệ của bản thân, của gia đình, đồng bào, Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm cách cứu nước. Hành trình qua mấy đại dương châu lục đã đúc kết cho anh thuỷ thủ Văn Ba nhận xét: *“Trên thế giới này chỉ có hai hạng người: đi bóc lột và bị bóc lột”, “Ở đâu có đế quốc thực dân ở đấy nhân dân còn đau khổ”*.

Nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy rõ và trước hết là chủ nghĩa Mác mang tính nhân văn cao cả nhằm giải phóng con người, là một *“chủ nghĩa nhân đạo hiện thực”*.

Đi theo con đường mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã vạch ra, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã kế thừa được những giá trị tư tưởng của văn hoá, nhân văn truyền thống Việt Nam và cả những tinh hoa văn hoá, nhân văn của nhân loại để giải quyết và đáp ứng yêu cầu về văn hoá, nhân văn của dân tộc... Và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, trong quá trình hoạt động cách mạng của mình đã nêu một tấm gương sáng, tiêu biểu nhất cho chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn mác xít Việt Nam.

Từ tư tưởng “Không cần thiết không ra quân”, luôn luôn tranh thủ giữ gìn hoà bình, tránh khiêu khích đối phương, *“giảm đại sự xuống trung sự, rồi tiểu sự để vô sự”*, tránh cho quần chúng một cuộc chiến tranh, Hồ Chí Minh chủ trương *“còn nước còn tát”* để khỏi phải cầm súng. Nhưng khi kẻ thù đã chà đạp lên công lý, lên danh dự dân tộc, đã vác đao kiếm vào nhà chém giết dân lành thì việc “động binh” để cứu nhân dân đau khổ... là một ứng xử nhân đạo, vì đa số người chống lại số ít người. Tính chất chiến đấu trong chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam không bao giờ bao hàm ý định hành động “hiếu sát”. Khi kẻ thù đã hạ vũ khí, những con cháu, binh sĩ, nhân dân của Cụ Hồ đã cho họ cơm ăn áo mặc,

cho họ hiểu biết, chỉ cho họ con đường về với gia đình, cho họ mạng sống và hạnh phúc - như xa xưa đã từng sửa đường cấp gạo cho quân xâm lược phương Bắc thua trận trở về để mong mỗi “muôn đời tắt chiến tranh”.

Trong một hội nghị của ngành Tư pháp Việt Nam - một cơ quan mà không ít cán bộ nghĩ rằng làm tư pháp, hành pháp, quan toà, trại giam là phải trừng trị - Hồ Chí Minh lại nói: *“Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức”*⁽¹⁾. Đây là “triết lý” sống của Hồ Chí Minh, là tấm lòng thương người hết sức rộng rãi, sâu sắc, thực lòng, toàn diện của Hồ Chí Minh với mọi kiếp con người...

Trong suốt cuộc đời của mình, Người đã chia sẻ mẩu bánh mì ít ỏi kiếm được trong ngày với một em bé da đen, đã khóc tràn nước mắt khi một thanh niên người nước ngoài vì mình mà mang họa. Người đã dành bát cơm trắng cho người già Cao Bằng, còn mình bưng bát cơm ngô. Thấy một tù binh rét, Người đã cởi áo ấm mình đang mặc khoác cho anh ta, coi *“anh mặc cũng như tôi mặc...”*. Người lo sao cho em bé mồ côi có được nơi nương tựa, các cụ già không bị hắt hủi lúc xế chiều. Người lo từng viên thuốc, hạt gạo, chiếc guốc đi, *“cái con chữ”* cho đồng bào ít người...

Cho đến tháng 5 năm 1965, biết mình sắp đi gặp “Cụ Các Mác - cụ Lê-nin”, Hồ Chí Minh đã viết đi viết lại bản *Di chúc*.

Bản bổ sung vào trước ngày 10 tháng 5 năm 1969, Hồ Chí Minh đã viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết như sau:

(1) Hồ Chí Minh, *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, H, 1990, tr 174.

“Đầu tiên là công việc đối với con người”. “Con người” trong Di chúc của Hồ Chí Minh là “những người đã dũng cảm hy sinh”, là “các liệt sĩ”, là “cha mẹ, vợ con của thương binh liệt sĩ”, là “các chiến sĩ trẻ trong lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong”. Hồ Chủ tịch yêu cầu: “Đảng, Chính phủ, đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn, mở lớp dạy nghề, xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân... giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét... chọn một số ưu tú nhất (trong lớp chiến sĩ trẻ và thanh niên xung phong) đi học thêm các ngành, các nghề... để đào tạo thành đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta...”⁽¹⁾

Đối với phụ nữ Việt Nam, Hồ Chí Minh đã dành riêng cho giới này những lời lẽ rất nhân ái, sâu sắc, xúc động: “Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất”. “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo... Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”.

Phần cuối cùng về “đầu tiên là công việc đối với con người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập tới những số phận bị không ít người coi là “cặn bã xã hội”. Hồ Chí Minh viết: “Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.”⁽²⁾

(1) Bút tích Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr 42.

(2) Sđd, tr 42.

Ở đây cần lưu ý đến mấy quan niệm của Hồ Chí Minh:

1. Hồ Chí Minh thường nói: “Con người sinh ra tính vốn lành, vốn thiện”. Những thói hư tật xấu là do xã hội cũ gây nên, chỉ một phần là do bản thân con người đó. Nhưng Hồ Chí Minh không cho họ hoàn toàn là những kẻ tự ý, tự mình gây ra, mà coi họ là nạn nhân, là người không may mắn nạn, mà nguyên nhân chính, kẻ chủ mưu chính, kẻ gây ra chủ yếu là chế độ xấu xa cũ...

2. Trái với ý định “trừng trị là trước hết”, Hồ Chí Minh chủ trương vừa giáo dục, vừa cải tạo, đặt giáo dục lên trên việc dùng pháp luật, để họ không “ngựa quen đường cũ” mà “giúp họ trở nên một con người lương thiện”, giúp trả họ về đời sống bình thường của một người lao động, một con người tính vốn lành đầu tiên của họ.

Phải chăng đây cũng là truyền thống dân tộc “máu chảy, ruột mềm”, là ý của Phật “dù xây chín bậc nhà đồ, sao bằng làm phúc cứu cho một người”, của Chúa “hãy thương yêu mọi người, kể cả kẻ thù của ta”?

Hồ Chí Minh đã từng nói “Trừ bọn Việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ nên ta phải kiên quyết đánh đổ (xin chú ý là Hồ Chí Minh không dùng từ “giết sạch, giết hết”...), đối với tất cả những người khác (xin chú ý: kể cả trộm cướp, gái điếm, buôn lậu...) thì phải yêu quý, kính trọng, gương mẫu. Phải thực hành chữ “Bác ái.”⁽¹⁾

Chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo Hồ Chí Minh được chứng tỏ bằng một Hồ Chí Minh mà “lòng thương yêu đối với nhân dân và nhân loại là không bao giờ thay đổi”. Đó chính là kết quả của lòng tin mãnh liệt vào sức sống của dân tộc, của nhân dân, của mỗi thành viên xã hội -

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr 644.

cho dù họ không may lâm lỗi, trở thành nạn nhân của tệ nạn nào đó.

Di chúc của Hồ Chí Minh, ngoài những giá trị lịch sử, chính trị... còn là một “Di chúc” về chủ nghĩa nhân văn của dân tộc ta, của nhân dân ta - mà Hồ Chí Minh là người tiêu biểu, một nhà nhân văn hành động, một nhà nhân văn chân chính.

Người cũng từng khuyên bảo cán bộ, đảng viên, nhân dân ta rằng “Nói đi đôi với làm”, “Một việc cụ thể còn giá trị hơn ngàn lần nói suông”.

Đền đáp công ơn của Hồ Chí Minh, trong dịp nhắc lại *Di chúc* của Người, không gì cụ thể bằng là mỗi người chúng ta, nhân dân, đảng viên, cán bộ hãy thực sự làm theo lời dạy trong *Di chúc* của Người.

Và trong năm 2005 này, một việc làm thiết thực để kỷ niệm Người 115 mùa Xuân, chúng ta hãy cố gắng thực hiện “Thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ” theo tấm lòng bác ái của Bác, trong hy vọng “Xuân cho cả loài người”.

HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC DÂN TỘC ĐÔNG NAM Á⁽¹⁾

Ngày 20 tháng 5 năm 1924, trong thư gửi đồng chí Pê-tơ-rốp, Nguyễn Ái Quốc viết:

“Nguyên nhân đầu tiên gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự đơn độc”⁽²⁾. Tiếp đó, Người phân tích nguyên nhân: “Vì các dân tộc phương Đông không có sự quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau” nên “họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau”.

Đây là một ý kiến mà Nguyễn Ái Quốc đã “ngẫm nghĩ từ lâu” và “thấy có trách nhiệm phải trình bày”. Ý kiến này được nêu lên trong bối cảnh lịch sử khi mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển mạnh mẽ ở phương Tây, khi mà “việc tăng thêm nhiều phương tiện trao đổi... việc tìm thêm nhiều hàng hoá đã đem lại cho thương nghiệp, cho nghề hàng hải, cho công nghiệp một sự phát đạt chưa từng có và do đấy đã đem lại một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã”⁽³⁾.

(*) Hội thảo Quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hoá thế giới, Hà Nội, tháng 3-1990.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, 1980, tr.207. Tập mới in năm 1995 đã đổi chữ “đơn độc” thành “biệt lập”.

(2) Mác - Ăng-ghen - Tuyển tập, tập 1, “Tuyên ngôn cộng sản”, NXB Sự thật, Hà Nội 1970, tr.29.

Ở Việt Nam và một số nước thuộc địa Đông Nam Á, ngoài chế độ phong kiến kìm hãm còn bị chủ nghĩa thực dân cũ xâm lược, chiếm đóng, nơi mà *"những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và thương yêu nhau"*⁽¹⁾, nơi mà *"chỉ với lực lượng riêng của mình, nông dân không bao giờ trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ"*⁽²⁾ và *"chỉ với sự giúp đỡ của những người anh em bị áp bức của mình ở các nước châu Âu, họ mới tự giải phóng được mình"*⁽³⁾. Châu Âu, theo nhận xét của Nguyễn Ái Quốc, là nơi *"mà đời sống hiện nay phụ thuộc trước hết vào những trung tâm công nghiệp lớn mạnh và vào những đường giao thông"*⁽⁴⁾.

Riêng ở Việt Nam, "sự đơn độc" càng nặng nề hơn khi đế quốc Pháp bít tất cả những "cửa" vào, đường bộ, đường thủy, cấm nhập khẩu mọi sách báo tiến bộ, mọi thông tin về các trào lưu chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Chúng xử tội rất nặng tất cả những ai "xuất dương" không được phép của chính quyền dù với bất kỳ mục đích nào, đe dọa những người có liên hệ với nước ngoài, khủng bố cả những người được chúng cho ra nước ngoài lúc trở về có những hành động mà chính quyền gọi là "tuyên truyền kích động".

Trước Nguyễn Ái Quốc, cũng đã có những mối giao lưu văn hoá với Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a, với phương Tây, chủ yếu là Pháp, cũng đã có những kiến nghị không nên "bế quan, toả cảng" mà phải "mở cửa" với văn minh phương Tây. Nhưng do nhiều nguyên nhân tác động, do bảo thủ, định kiến, hoài nghi của những người cầm quyền, do hành vi bất tín, vụ lợi của đối tượng "mở cửa" nên Việt Nam cuối cùng vẫn chịu sự "đơn độc" cay đắng kéo dài.

(1), (2), (3), (4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tr.115, 157, 130, 157.

Gần Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu cũng đã “mở cửa” sang phương Đông, nhưng do sự hạn chế chủ quan, kết quả cuối cùng vẫn không “mở” được.

Nguyễn Ái Quốc đã ngẫm nghĩ từ lâu vấn đề này, ít ra cũng từ khoảng năm 1904, khi đi bộ theo thân phụ vào Huế lần thứ hai để học tại Trường Quốc học Huế. Cho đến khi “thấy có trách nhiệm” phải trình bày vấn đề này, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua 20 năm sống, đi, thấy, lắng nghe, học tập, ngẫm nghĩ, tư duy và tự mình rút ra kết luận. Cho đến năm 1924, khi phát biểu ý kiến này, so với người đương thời, Nguyễn Ái Quốc là một trong những người đã đi biển, đi bộ nhiều nhất, tiếp cận với hàng chục nước ở châu Âu, châu Mỹ, châu Phi... để có được tầm mắt mở rộng nhất. Theo những tài liệu sưu tầm được cho đến nay (chưa đầy đủ) qua các bài báo của Nguyễn Ái Quốc, đến năm 1922 ta thấy Người đã tố cáo chế độ cai trị dã man, cổ vũ nhân dân đấu tranh tại Trung Quốc, Ấn Độ, Xô-ma-li, Goa-đơ-lúp, Ca-mơ-run, Xê-nê-gan, Ma-da-gát-ca, Ma-rốc, Tuy-ni-di, An-giê-ri, Công-gô, Mác-ti-ních, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Đa-hô-mây, Triều Tiên..., trên dưới 20 nước.

Bằng sự ra đi vào năm 1911, tiếp xúc được với các tầng lớp nhân dân nhiều dân tộc, qua sự cảm nhận, xử lý thông tin, Nguyễn Ái Quốc, không phải công dân một nước độc lập mà là của một nước bị đô hộ, đã tự giác phá vỡ “sự đơn độc” của bản thân mình, để tiến tới phá vỡ “sự đơn độc” cho các cộng đồng, tập thể khác.

Sau khi tích lũy được một khối lượng to lớn những thông tin cả phương Đông và phương Tây, Người đã thiết lập một đường giao thông, một kênh liên lạc với châu Âu, cắt đứt vành đai bưng bít, mở một cửa đột phá sang phương Tây, mở rộng liên hệ với nhiều người,

nhiều dân tộc để họ có thể “tiếp nhận được sự giúp đỡ của những người anh em châu Âu tự giải phóng mình”.

Có thể phân chia, sắp xếp quá trình phá vỡ “sự đơn độc” của Nguyễn Ái Quốc theo ba bước:

Bước thứ nhất, tương ứng với sự “*Tự giác thức tỉnh của bản thân*” Nguyễn Ái Quốc, bắt đầu từ năm 1911 rời nước ra đi cho đến năm 1920 gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, đứng vào Quốc tế III. Mũi tên phá vỡ “sự đơn độc”, chọc thủng lưới sắt của thực dân Pháp ở Đông Dương là con đường giao thông trong bước này mới có một chiều, từ nước ngoài về là chủ yếu, với một phương tiện duy nhất là đường biển.

Bước thứ hai, tương ứng với sự “*Tìm và chọn được đúng đường*” cho dân tộc, phá vỡ “sự đơn độc” cho nhiều đồng bào, cho dân tộc, có thể kéo dài trong suốt những năm 20, kết thúc vào thời điểm thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Con đường giao thông trong bước này đã được nâng cấp, có chế độ liên lạc hai chiều (từ nước ngoài về, từ trong nước ra) với nhiều phương tiện (đường bộ, đường biển, điện báo), có liên lạc đối nội (trong nội bộ Đảng) và liên lạc đối ngoại (với các Đảng bạn cũng là một chế độ liên lạc hai chiều), có cả một hệ thống tổ chức các phương tiện vật chất, với con người sống là chiến sỹ, là cán bộ giao thông người Việt, người bản xứ, người các dân tộc anh em. Trong bước này, con đường sắt xuyên Xi-bi-a từ Mát-xcơ-va đi Vla-đi-vô-tôc đã nổi lên như một “đường Lê-nin”, thông qua “con đường Lê-nin” này, tư tưởng của Cách mạng tháng Mười, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đến Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lay-xi-a, Sing-ga-po... Nguyễn Ái Quốc đã qua con đường này để đến với các dân tộc Đông Nam Á, giúp họ phá vỡ “sự đơn độc”.

Bước thứ ba, tương ứng với “Công việc tổ chức quần chúng cách mạng đã được giác ngộ đấu tranh giành thắng lợi”. Bước này tiếp theo sau năm 1930 cho đến Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam, một sự kiện lịch sử rung chuyển Đông Nam Á, phá toang lưới kìm của đế quốc ở khu vực này, mở đầu cho công cuộc phá vỡ “sự đơn độc” dây chuyền ở phương Đông, của các dân tộc bị áp bức. Bước ba có thể chấm dứt vào năm 1975, khi “quan tài” của chủ nghĩa thực dân cũ đã bị Nguyễn Ái Quốc đóng nắp từ năm 1954 và chủ nghĩa thực dân mới lại đi theo vết xe cũ của chủ nghĩa thực dân cũ và bị chôn vùi trong lịch sử, tại “nghĩa trang” Việt Nam... và “nông dân đã trút bỏ được gánh nặng, tự giải phóng mình”.

Như vậy là theo một cách nhìn nào đấy, quá trình “tự phá vỡ sự đơn độc”, tiến lên phá vỡ “sự đơn độc” cho nhiều người, cho một dân tộc, rồi nhiều dân tộc có mối liên quan, như Nguyễn Ái Quốc nói là phụ thuộc vào những “đường giao thông”. Mỗi bước phát triển của quá trình này là một bước phát triển của con đường, của cả hệ thống giao thông. Có thể nói khác đi “quá trình phá vỡ sự đơn độc” quyết định “chất lượng giao thông”, hoặc “qua hệ thống giao thông” thấy được quá trình phá vỡ “sự đơn độc”.

Cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong công cuộc phá vỡ ‘sự đơn độc’ này là:

1. Việt Nam đã tiếp xúc được với phương Tây, với châu Âu, với phong trào dân chủ, xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bắt đầu từ quê hương của cuộc Cách mạng đầu tiên ở Pháp năm 1789 đến Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917 ở nước Nga để qua con đường dẹt ở Trung Quốc và kết thúc tại Việt Nam.

2. Kết quả phá vỡ “sự đơn độc” của Nguyễn Ái Quốc dẫn đến sự đồng cảm giữa nhiều tầng lớp nhân dân có chung cảnh ngộ, từ lý luận đến thực tiễn, từ tư duy đến hành động, đã tự giác liên hệ, phối hợp với nhau về mặt tổ chức, cùng đấu tranh cho một mục tiêu chung. Tính đa dạng, nhiều thành phần dân tộc trong các Hội “*Liên hiệp thuộc địa*”, “*Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*”, của Ban biên tập báo *Le Paria*, của các *Mặt trận Việt Minh*, *Mặt trận Liên Việt*, *Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào* là hệ quả của sự phá vỡ “sự đơn độc” theo cấu trúc hạt nhân.

3. Thông qua quá trình phá vỡ “sự đơn độc” của Nguyễn Ái Quốc mà Quốc tế Cộng sản, với trách nhiệm lịch sử của mình, đã có điều kiện theo dõi, giúp đỡ phong trào cách mạng của các dân tộc anh em ở khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh lịch sử của Nguyễn Ái Quốc, khu vực này là một vùng “nóng bỏng” mà từ trước đây cho đến năm 1924 (năm Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ cho Nguyễn Ái Quốc thiết lập đường liên lạc từ Đông Nam Á về Mát-xcơ-va) châu Âu dân chủ, xã hội, cách mạng với Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin... còn chưa có được nhiều thông tin về các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá của các nước thuộc địa, của các dân tộc khu vực này.

ĐÓNG GÓP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI THỜI ĐẠI^(*)

Đã có nhiều nhà chính trị, sử học, nhà báo, nhà Hồ Chí Minh học đánh giá và khẳng định những đóng góp của Hồ Chí Minh với thời đại.

Có lẽ, đóng góp lớn nhất của Hồ Chí Minh với thời đại là việc tìm đường cứu nước cho dân tộc, đã xác định được một con đường cách mạng, một hướng đi và tiếp theo đó là một phương pháp để thức tỉnh hàng trăm triệu con người bị áp bức trong các nước thuộc địa và lạc hậu, mà số dân các nước này chiếm tới hơn hai phần ba trong tổng số loài người vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Điều này khẳng định Hồ Chí Minh trước hết và chủ yếu là nhà cách mạng góp phần kiến tạo thế giới ngày nay - một cống hiến lớn mà loài người mãi mãi không thể quên.

Thức tỉnh nhân dân bị áp bức, để họ tin là “bằng” và “phải bằng” sức mạnh đoàn kết của chính mình là chủ yếu, cộng với sự đồng tình ủng hộ của lương tâm thời đại, lương tri loài người, họ có thể chọn lựa nhiều hình thức theo một con đường đấu tranh đúng đắn để thoát khỏi kiếp sống đọa đày, giải phóng cả dân tộc và tiến lên con đường ấm no, hạnh phúc. Đó là mục tiêu lý tưởng

(*) *Trích Hồ Chí Minh với thời đại, NXB Lao động, Hà Nội, 1996.*

cách mạng của Hồ Chí Minh không chỉ với dân tộc mình, mà với cả nhân loại. Không phải là, trước Hồ Chí Minh chưa có ai đánh thức những người bị áp bức. Biết bao nhà yêu nước của Việt Nam và nhiều nước thuộc địa đã tìm nhiều cách để thức tỉnh đồng bào mình và nhiều phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã nổ ra đó đây. Song kết quả nói chung đều thất bại và dân thuộc địa vẫn bị “con đĩa hai vôi” hút máu, gõ không ra, trừ diệt không nổi.

Vấn đề là ở chỗ Hồ Chí Minh với lòng yêu nước nhiệt thành đã biết học tập, tổng kết tri thức của loài người, đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kết hợp tinh hoa của dân tộc Việt Nam và thời đại, và đã từng bước trong hoạt động thực tiễn đề ra rồi khẳng định được một mục tiêu, một con đường, một phương pháp cứu nước đúng đắn đó.

Các nhà sử học dù thiên vị đến đâu cũng phải thừa nhận rằng một Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh hay Hoàng Hoa Thám, hoặc một Găng-di, một Áp-đen Kha-đe... của thời đại chúng ta đều có lòng yêu nước, chí quyết tâm cứu nước chắc không kém gì Hồ Chí Minh... Song, về cơ bản họ đều thất bại chẳng mấy thành công, mà Hồ Chí Minh lại đã thành công. Thời đại đã kiểm nghiệm thực tiễn lịch sử qua thất bại đau xót, chua cay, ngọt bùi, phấn khởi, thắng lợi, để xác định rằng Hồ Chí Minh đã đạt được mục đích, đã có đóng góp thực sự to lớn cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa mà trước đó chưa một ai làm được.

Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn vấn đề “Tìm cách nào để giải phóng các dân tộc thuộc địa khỏi bị áp bức, bóc lột”.

Những bậc tiền bối của cách mạng vô sản, như C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V. Lê-nin đã vạch đường chỉ lối

cho cách mạng giải phóng xã hội (giai cấp) và dân tộc, nhưng không có được những điều kiện như Tất Thành - Văn Ba - Hồ Chí Minh trong việc trực tiếp đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân thuộc địa và phụ thuộc, C. Mác được lịch sử giao sứ mệnh tìm phương pháp giải phóng giai cấp công nhân châu Âu trong thời đại tư bản chủ nghĩa đang lên. V. Lê-nin tiếp tục sự nghiệp của Mác đã bắt đầu quan tâm đến các dân tộc thuộc địa - chủ yếu là các nước lớn, nhưng Người còn phải lo điều chỉnh, phát triển những vấn đề của chủ nghĩa Mác, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và một bộ phận giai cấp lao động đã nắm chính quyền, chưa kịp giải quyết các vấn đề khác... Các ông không có được cơ hội và điều quan trọng nhất - không có những thông tin thực tiễn nhất, chính xác nhất về thuộc địa, lại không có cơ hội gần bó máu thịt với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa. Các ông cũng không có điều kiện hiểu biết đầy đủ về bọn thống trị thực dân thuộc địa, như đã am hiểu về công nhân và bọn tư bản, đế quốc ở các nước Anh, Đức, Pháp, Hà Lan...

Trong thế kỷ XX ấy, chỉ có một con người duy nhất là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sống tại nước mẹ để bị thực dân hoá, mắt đã tận thấy, chân đã đặt lên nhiều nước khác trên châu Âu, châu Phi, châu Mỹ La tinh, châu Á..., đã thấm sâu đến từng tế bào của mình nỗi khổ của những con người nô lệ sống trong các nước ấy.

"Đau lòng vì dân tộc bị nô lệ, Bác đã đi đến nhiều nước ngoài, làm nhiều nghề để sống, sống để tìm con đường cách mạng"⁽¹⁾.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, NXB Hà Nội, 1995, tr 531.

Cuộc sống 10 năm thủy thủ, làm thuê này là cơ sở thực tiễn cho Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thấu hiểu mọi tâm tư, nguyện vọng của nhân dân thuộc địa, tìm được những người cùng chí khí để đoàn kết đấu tranh theo một mục đích chung.

Cũng có thể có người “đồng cam cộng khổ” với những người cùng khổ như Văn Ba - Nguyễn Tất Thành, nhưng tại sao lại không thể là một Nguyễn Ái Quốc, một Hồ Chí Minh? Chính là vì “anh thanh niên gầy gò, dân thuộc địa” ấy có một tấm lòng yêu nước thương dân vô cùng sâu đậm, và cũng rung cảm trước nỗi khổ và ước mơ của các dân tộc thuộc địa khác và mong muốn cùng nhau đấu tranh để cùng nhau được giải phóng khỏi chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Vượt lên nhiều người yêu nước khác, Hồ Chí Minh đã biết tập trung và chắt lọc ra điều mà Người quan tâm nhất, cần thiết nhất để giải phóng dân tộc mình và góp phần giải phóng dân tộc bạn bè, anh em.

Có thể Nguyễn Ái Quốc đọc sách ít hơn người này, người nọ và có ít điều kiện viết sách nhiều như người khác, nhưng có một điều mà người đọc nhiều cuốn sách, viết nhiều trang giấy không làm được như Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là Người, bằng một phương pháp riêng của mình đã tư duy và hành động đúng trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc, tự do cho đa số người bị áp bức của thời đại mình.

Ngày nay, nhà nghiên cứu có thể phát hiện ra vấn đề này không chỉ trong các bài viết, lời nói mà còn cả trong những điều Hồ Chí Minh không nói, không viết mà chỉ hành động. Nếu chỉ căn cứ vào tài liệu văn bản để nghiên cứu tư tưởng, hành động thì có thể đúng, đầy đủ với người này, nhưng sẽ không hoàn toàn thích hợp với

ngiên cứu Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người. Bởi vì như vậy sẽ không thấy hết và không thể hiểu biết về Hồ Chí Minh...

Vậy, cái chìa khoá của phương pháp Hồ Chí Minh mang dấu ấn thời đại, do thời đại sản sinh và đóng góp không nhỏ cho thời đại là gì? Đó là sáu chữ của Hồ Chí Minh “*Đại đoàn kết, đại hoà hợp*”. Tư tưởng chiến lược này quán triệt cả cuộc đời cách mạng của Người ở trong nước cũng như trên các địa bàn quốc tế.

Thứ nhất: Đối với Hồ Chí Minh, con người trên thế giới này chỉ có hai loại: loại đi bóc lột và loại bị bóc lột. Và cũng đối với Hồ Chí Minh, tất cả những người bị bóc lột, dù da trắng, da vàng, da đen, dù là tín đồ của đạo Phật, của chúa Giê-su, của thánh Ma-hô-mét... đều là anh em. Hồ Chí Minh từng nói “bốn bể là nhà”, “bốn phương vô sản đều là anh em”.

Tuy là tư tưởng của triết học Nho giáo, nhưng không hoàn toàn của Nho giáo nữa. Cậu bé Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành khi học vỡ lòng chữ Hán đã biết hai chữ đồng bào trong một nghĩa hẹp là “con chung một lòng cha, lòng mẹ đẻ ra”. Năm 1908, trên cầu Tràng Tiền khi nhập vào các đoàn nông dân chống sưu thuế ở Huế, Tất Thành hiểu thêm “đồng bào” là “con chung một nước”. Mười mấy năm trời cùng ăn, cùng ở, cùng làm với anh em thuỷ thủ, với những người dân thuộc địa, anh Văn Ba lại hiểu thêm rằng: Theo nghĩa rộng, trời là cha lớn, mẹ là đất lớn, tất cả loài người là con chung một bào thai đẻ ra, nên có câu rằng “Tứ hải đồng bào”, “Nguyễn cho hết thấy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau”⁽¹⁾.

(1) Sdd, tr 555.

Để có một khái niệm cơ bản, chuẩn xác về hai chữ “đồng bào”, Nguyễn Tất Thành - Văn Ba đã mất mấy ngàn ngày suy ngẫm để trở nên một Nguyễn Ái Quốc, để có được những suy ngẫm về một “thế giới đại đồng” hiện đại, trong đó điều thiện, người thiện sẽ “ngày càng phát triển như hoa mùa xuân” lấn dần cái ác... Đây là một đóng góp tích cực cho nhận thức về nghĩa “đồng bào”, “tình anh em vô sản” trong kho tàng văn hoá cách mạng của nhân loại nói chung và của nhân dân ta nói riêng.

Có những luận điểm và ngay cả chân lý chỉ đúng ở thời điểm lịch sử này, thời đại này, đến một giai đoạn lịch sử khác có thể không phù hợp, mất sức sống. Nhưng phương pháp đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh không chỉ đúng ở Việt Nam mà còn đúng cả ở An-giê-ri, Cu-ba, Ấn Độ và ở nhiều nơi khác trên quả đất này. “Đại đoàn kết, đại hoà hợp” không chỉ đúng trong thời đại Hồ Chí Minh đang sống, đã sống và sau khi Hồ Chí Minh đã ra đi..., đó là đóng góp to lớn với thời đại, đặc biệt đối với nhân dân lao động, giai cấp công nhân trên thế giới để đấu tranh và giành thắng lợi.

Ngày nay, sau khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cùng với Liên Xô sụp đổ, ngày nay khi những quả bom “sắc tộc” đang huỷ diệt các dân tộc một thời là “đồng bào, anh em”, khi những chùm bom đạn tấn công dữ dội vào các làng mạc dân thường vô tội, loài người bỗng nhớ ra một bài thuốc “giải độc”, một phương pháp sống hoà bình, một chân lý rất đơn giản của Hồ Chí Minh: “Anh em bốn bể là một nhà”, nên phải “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”, được như vậy thì sẽ có một sự “đại hoà hợp” và sẽ có “Thành công, thành công và đại thành công” trong đấu tranh giành độc lập, tự do, cũng như vì cơm, áo, hoà bình và phát triển xã hội.

Các “sứ giả hoà bình” hiện nay không thể cầm trong tay một thứ vũ khí A, H, một chính sách cấm vận để giải quyết mọi sự đối đầu trong một nước, trong một khu vực... Cái cấm nang duy nhất họ có thể thành công, thành nhân là “Đại đoàn kết, đại hoà hợp” của Hồ Chí Minh, đã được Người tổng kết thành nguyên lý trong cuộc đời đấu tranh cách mạng của mình.

Khoa học ngày càng phát triển. Con người - đối tượng của khoa học - sẽ vừa được ưu đãi, vừa bị đe dọa - một sự đe dọa khủng khiếp không thể hình dung nổi.

Thời đại tương lai sẽ ra sao? Sẽ tồn tại như thế nào? Huỷ diệt thế nào? Có cách nào cứu vãn, giải quyết? Và có lẽ nhân loại ở mọi thời đại sau lại phải sử dụng cái cấm nang thần kỳ của Hồ Chí Minh: “Đại đoàn kết, đại hoà hợp”, nếu họ muốn tồn tại, nếu nhân loại muốn tồn tại, muốn phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, cơm no áo ấm.

Xét về nhiều mặt, đóng góp về mặt phương pháp của Hồ Chí Minh là đóng góp với thời đại, của thời đại, vì thời đại và cho mãi mãi các thời đại mai sau.

Thứ hai: Loài người đã từng ca tụng, cảm ơn văn hoá phương Đông với sự xuất hiện rất sớm văn tự, la bàn, thuốc súng... Loài người cũng đã viết không biết bao nhiêu trang giấy ca ngợi văn hoá phương Tây đã giải phóng nó lệ, đã có một thời “Phục hưng”, một giai đoạn “ánh sáng”, có học thuyết Mác - Lê-nin, có trào lưu cách mạng xã hội và những phát minh khoa học lớn.

Ngày nay, giao thông vận tải, liên lạc đã dẫn đạt đến đỉnh cao trí tuệ con người trên hành tinh này, sự tiếp xúc, giao lưu tin tức... không còn bị chậm chạp, không chế như trước đây nên các dân tộc có đầy đủ điều kiện tìm hiểu nhau... Nhiều người ở châu Âu đã sang sinh sống, lập nghiệp ở phương Đông. Và hàng triệu người

châu Á đã nhập cư vào các nước bên phía mặt trời lặn... Nhưng nhìn vào họ, họ vẫn là người châu Á, vẫn khác người châu Âu... Ở nhiều nước châu Á, người ta đã xây những ngôi nhà “chọc trời” kiểu Mỹ, trong khi đó nhiều kiến trúc sư phương Tây lại đang “quay về phương Đông” tìm hiểu giá trị văn hoá vật chất, tinh thần của châu lục này. (Cách đây vài năm, hàng trăm nhà nghiên cứu triết học, ngôn ngữ, lịch sử, xã hội trên thế giới đã dự hội nghị quốc tế về Khổng Phu Tử...)

Có những vùng bị “Tây hoá” kịch côm, có những người bị “Mỹ hoá” một cách xấu xa..., song nhân dân lao động vẫn quý trọng truyền thống cổ truyền không chút bài ngoại. Nhưng cho đến thời nay, văn hoá Tây - Đông vẫn chưa hoà nhập được một cách nhuần nhuyễn, tế nhị để tạo nên một nền văn hoá thứ ba - một nền văn hoá mà Ô-xíp Măng-đét-xtam khi gặp Nguyễn Ái Quốc năm 1924 ở Mát-xcơ-va đã dự báo. Đó là một nền văn hoá tương lai. Không phải phương Tây, không chỉ phương Đông... đóng góp để xây dựng một nền văn hoá thế giới hiện đại, cách mạng, bảo tồn sắc thái của mỗi dân tộc. Đó là sự đóng góp của “Nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh”.

Nguyễn Sinh Cung là dân của một nhà nước phong kiến, sinh ra tại một làng quê nghèo khổ với lũy tre làng là biên giới của ước mơ đối với nhiều người... Nguyễn Tất Thành là người Việt Nam, học chữ Hán, rồi chữ Pháp, chữ Anh, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Đức... Nguyễn Ái Quốc sống ở New York, London, Paris, Mát-xcơ-va..., viết báo, viết truyện ngắn rất xuất sắc bằng tiếng Pháp, rồi tiếng Anh, tiếng Trung Quốc... Hồ Chí Minh còn làm thơ Đường, một loại thơ bác học, sâu sắc ý nghĩa, thâm thúy hồn thơ. Nguyễn Ái Quốc đã từng viết “không bao giờ cầm cành hoa hồng đánh phụ nữ”, lại kết hợp gọi Lê-nin

là “tiên sinh” - như người Trung Quốc thường tôn sùng những người vào bậc thầy. Hồ Chí Minh tiếp thu, chắt lọc những nội dung lành mạnh trong các giáo lý, phản ánh tư tưởng, nguyện vọng của nhân dân lao khổ vào buổi sơ sinh các tôn giáo. Nhưng Hồ Chí Minh vẫn là người Việt Nam như bất cứ người Việt Nam chính gốc nào.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh đã trở thành người cộng sản. Người cộng sản ở nước thuộc địa bé nhỏ, một thời không có tên trên bản đồ thế giới, không được nhiều người biết đến..., lại là một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp - đảng của giai cấp công nhân một cường quốc của châu Âu, nhưng không bao giờ Người quên mình là người cộng sản Việt Nam, là một cán bộ của Ban Phương Đông thuộc Quốc tế Cộng sản. Khi chăm lo tổ chức, lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc, kể cả phong trào cộng sản, công nhân quốc tế ở các nước phương Đông, Nguyễn Ái Quốc cũng không bao giờ xa rời nhiệm vụ giải phóng dân tộc của nhân dân mình, cho nên dù có ai “kết tội” Nguyễn Ái Quốc là “người dân tộc chủ nghĩa” thì Người vẫn là biểu tượng cao đẹp của sự kết hợp lòng yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản. Điều này thể hiện ngay trong những nếp sinh hoạt đời thường của Hồ Chí Minh. Suy nghĩ lao lung về trách nhiệm quốc tế và dân tộc mình, sống bao nhiêu năm cách xa Tổ quốc, nhưng một con đường nhỏ với hàng dâm bụt quê nhà, một giọng ru con của mẹ, một câu hát ví dặm, một đĩa cá kho... vẫn in đậm trong ký ức Hồ Chí Minh.

Thực tiễn cuộc sống chỉ rõ ràng, ở một người này có thể bị “lai hoá” hoàn toàn, người khác lại “bảo thủ” biệt lập. Có thể có người dung hoà được hai nền văn hoá trong ngoài, nhưng cũng chỉ có tác dụng riêng cho bản

thân, cho gia đình. Ở Hồ Chí Minh thì khác. Đó là sự hài hoà của cách mạng và văn hoá, của tình hoa dân tộc và tình hoa nhân loại, của quá khứ - hiện tại - tương lai.

Đóng góp của Hồ Chí Minh với thời đại đã chứng minh rằng một con người, một dân tộc có thể bằng cách ứng xử của mình hoà nhập được với nền văn hoá thế giới mà vẫn chủ động sáng tạo giữ bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc. Có thể nói rằng đây là sự “chung sống hoà bình”, cái nọ tạo điều kiện, làm động lực thúc đẩy cái kia, để tạo dựng một nền văn hoá chung cho thời đại, một nền văn hoá tương lai chung cho loài người mà vẫn giữ được bản sắc riêng văn hoá của mỗi dân tộc.

Khi các nền văn hoá có thể giao hoà với nhau, thâm nhập vào nhau, con người sẽ “hiểu nhau hơn”, “yêu mến nhau hơn”. Và cái nền, cái kho tàng của văn hoá dân tộc mình được bổ sung, được tiếp nhận thêm tinh hoa, giá trị văn hoá các dân tộc khác, các dân tộc sẽ “hiểu nhau hơn”, “yêu mến nhau hơn”.

Những tác phẩm như “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” và nhiều bài viết khác của Hồ Chí Minh là một minh chứng. Vốn tri thức rộng lớn về văn hoá Đông - Tây được Người sử dụng giúp cho mọi dân tộc hiểu biết nhau hơn, cùng nhau thức tỉnh và vùng dậy đấu tranh giải phóng.

Giá trị nhân văn trong tư duy, giao tiếp, hành động của Hồ Chí Minh thể hiện trong mọi lĩnh vực cuộc sống của Người, có khả năng đoàn kết, hoà hợp mọi con người của nhiều dân tộc. Bởi vì chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đã làm cho các dân tộc bị áp bức ý thức được nỗi nhục, nhân lên gấp bội sức mạnh đấu tranh của họ thông qua sự nỗ lực của chính mình và sự đoàn kết với các dân tộc anh em cùng cảnh ngộ. Lòng nhân ái là cốt lõi của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh đã được mọi

người mến phục. Đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được xem như là biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn cho nhiều người noi theo. Vì vậy chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn của thời đại, là một đóng góp lớn vào kho tàng văn hoá nhân loại.

Những đóng góp tiêu biểu, to lớn trên đây của Hồ Chí Minh với thời đại là cơ sở để xác nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc”, “Nhà văn hoá lớn”, và chúng ta còn hiểu là Người là “Chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cách mạng thế giới”. Những đóng góp đó thể hiện qua nhận thức và hoạt động thực tiễn của Người, và góp phần đáng kể vào tiến trình đi lên của lịch sử loài người.

Đó là việc xây dựng một mặt trận thống nhất của nhân dân lao động các nước thuộc địa và phụ thuộc, các nước tư bản đế quốc để tự giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột.

Đó là sự tiếp thu sáng tạo tư tưởng của C. Mác, Lê-nin về giải phóng dân tộc và xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc cho nhân dân lao động ở những nước không có điều kiện giống như châu Âu.

Đó là những hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới, phong trào công nhân và công sản quốc tế.

Đó là sự lãnh đạo thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, bước đầu xây dựng một xã hội mới, là tiền đề tham khảo cho nhiều dân tộc.

Đó là phương pháp, đạo đức, phong cách ứng xử Hồ Chí Minh thể hiện một chủ nghĩa nhân văn mới, chủ nghĩa nhân văn của thời đại, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh - con đẻ của thời đại, con người đó đã đóng góp cho sự kiến tạo và phát triển của thời đại. Đó là sự thật lịch sử.

ĐÓNG GÓP CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI QUỐC TẾ CÔNG SẢN

Trong thư gửi đồng chí Pê-trốp ngày 20 tháng 5 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết: “Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau”. Điều đó có nghĩa là cả phương Đông và phương Tây “Hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất”.

Đối với C. Mác là vào năm 1861, với Ph. Ăng-ghe-nen là vào năm 1883, tiếp đó năm 1895 mới đề cập được những thông tin đại cương về xứ Tông-kanh và Cô-sanh-sin⁽¹⁾.

Lê-nin đã nói tới Đông Dương bốn lần, lần đầu vào năm 1905. Năm 1916, Lê-nin đã viết: “Những dân tộc ít người bị chủ nghĩa đế quốc đè nén đã nêu gương nổi dậy trong các nước thuộc địa trong đó xứ An Nam thuộc Pháp⁽²⁾”.

Dại hội các dân tộc phương Đông họp tại Ba-cu tháng 9 năm 1920 có các đại biểu của vùng Cáp-ca-dơ Trung Á, Apganixtan, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên. Trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, Lê-nin có ghi “Các

(1) Tonkin (Bắc Kỳ), Cachinchine (Nam Kỳ) nay là Bắc Bộ và Nam Bộ.

(2) An Nam thuộc Pháp (Trung Kỳ) nay là Trung Bộ.

nước phương Đông”, tiếp theo là Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản. Trong những tài liệu chuẩn bị cho Đại hội II Quốc tế Cộng sản, Lê-nin ghi rõ hơn: “Các dân tộc phương Đông (hai chấm xuống dòng): Người Ba-xki-ri, Ta-ta-ri-ak, Kiéc-ghi-di a, Tuốc-két-xtăng”. Qua các tư liệu công bố trên, chúng ta được phép hiểu rằng khái niệm về phương Đông những năm 1920 là tập trung vào những dân tộc Trung Á và dù có nói đến xa hơn nữa thì cũng chỉ đến được Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản. Ngày 20 tháng 7 năm 1920, trong bản *Những nhận xét và bản báo cáo của A.Xutandadơ về triển vọng của cuộc cách mạng xã hội tại phương Đông*, lần đầu tiên Lê-nin nói tới “phương Đông thuộc địa”. “Một hệ thống các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân đế quốc thông trị chưa có được nhiều thông tin đến với châu Âu, với nước Nga, trung tâm của cách mạng xã hội chủ nghĩa và với Quốc tế Cộng sản”. Trong bản *Những nhận xét...* vừa nói trên, ở những dòng cuối cùng Lê-nin viết: “Làm cho các đảng cộng sản thích ứng với trình độ những nước nông dân của phương Đông thuộc địa, thực chất là ở đó cần suy nghĩ về điều này và tìm những câu trả lời cụ thể ⁽¹⁾. (Hai chữ “cụ thể” Lê-nin gạch dưới).

Nguyễn Ái Quốc chính là người đã có “những câu trả lời cụ thể” đó.

Là người dân, một trí thức mất nước ở một nước “phương Đông thuộc địa” với chế độ bóc lột kiểu trung cổ (lời Lê-nin) qua nhiều năm tiếp xúc với nhiều dân tộc bị mất nước, sống dưới chế độ tàn bạo của chủ nghĩa thực dân không phải chỉ ở phương Đông mà cả ở phương Tây, ở châu Phi, cả châu Mỹ, Nguyễn Ái Quốc cho đến năm 1920 thực sự đã là một từ điển sống về các nước thuộc địa.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc với “Một nỗi buồn sâu sắc phản đối bọn đế quốc đã gây nên những tội ác tày trời trên quê hương tôi”, Người đã thẳng thắn và có phần nào gay gắt khi phê bình: “Nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu các đồng chí không ủng hộ các dân tộc bị áp bức, vậy thì cái cách mạng mà các đồng chí thực hiện là thứ cách mạng gì?”

Đến đại hội V của Quốc tế Cộng sản năm 1924, lần đầu tiên một người “phương Đông thuộc địa” đã trình bày một bản tham luận có hệ thống về vấn đề thuộc địa với những tài liệu đầy thuyết phục, và cũng chính trên diễn đàn này, thay cho lời phê phán nhẹ nhàng của M. Manuynski (người thay mặt Quốc tế Cộng sản đọc báo cáo về vấn đề dân tộc và thuộc địa), Nguyễn Ái Quốc đã lên án thái độ bàng quan vô trách nhiệm của các Đảng Cộng sản Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan và các Đảng Cộng sản khác mà giai cấp tư sản ở đây chiếm giữ thuộc địa “đã không tuân theo lời dạy của Lê-nin, đã không thi hành một chính sách tích cực trong các vấn đề thuộc địa, đã không hoạt động gì cả, đã làm rất ít và các báo chí cộng sản vẫn cứ im tiếng, không làm gì được hết”. Ngày nay, nhìn nhận lại, có thể hình dung được những “trái bom” ấy của Nguyễn Ái Quốc dữ dội đến thế nào. Cũng tại đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc lại lời dạy của Lê-nin để định ra một đường lối cách mạng cho các nước thuộc địa rằng: “Ở đây (các nước thuộc địa) không thể nói đến phong trào thuần túy vô sản được”. Đại hội V có một bước ngoặt trong vấn đề thuộc địa như Nguyễn Ái Quốc đã nói.

Chúng ta rất thông cảm với các đảng viên cộng sản của nước “bị” Nguyễn Ái Quốc phê phán bởi nhiều lý do, trong đó có thể có lý do thông tin. Ngay Đảng Cộng sản

Anh cũng không có một người dân thuộc địa như kiểu Nguyễn Ái Quốc trên đất Anh.

Ni-na-ben-di-a-nát - một nhà hoạt động chính trị Ấn Độ, năm 1924 là uỷ viên Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản cũng không có một quan điểm chính xác về vấn đề thuộc địa, và sau đó đã rời bỏ Đảng Cộng sản. Đây cũng là trường hợp của Xun-tan Da-đơ, người I-ran, uỷ viên Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1917 đã phạm sai lầm tả khuynh trong vấn đề dân tộc và thuộc địa. Ta-ma-la-ca, đảng viên Ma-lay-xi-a cũng đã hợp tác vô nguyên tắc với nhà thờ và đế quốc. Trên diễn đàn đại hội V Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc không phải chỉ nói một tiếng nói về Việt Nam thuộc địa của đế quốc Pháp mà nói - tiếng nói chung của các dân tộc thuộc địa An-giê-ri, Ma-rốc, Công-gô thuộc Bỉ, Rê-ni-ông, Ma-da-gat-xca, Xe-nê-gan, của nông dân Ca-bi-li, làng Cô-lô-vô, Cu-nô, Bê-ca-rút, Cu-a, A-bi-ma-phom, E-xam-pha-ni, Ma-ta-be-la, Hê-re-rô... Những địa danh mà chúng ta bây giờ vẫn chưa hết ngỡ ngàng...

Lịch sử và thực tiễn đó đưa ta đến những suy nghĩ rằng:

Nguyễn Ái Quốc là người cộng sản đầu tiên trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới đưa ra ánh sáng bộ mặt xấu xa, bỉ ổi vô nhân đạo, đầy đủ nhất của chủ nghĩa thực dân, chà đạp lên nhân cách, đạo đức các dân tộc thuộc địa, biến họ thành những nô lệ thời trung cổ, thành hàng hoá, thành súc vật. Cũng chính Nguyễn Ái Quốc đã phê phán nghiêm khắc các Đảng Cộng sản và các đảng viên ở những nước mà chính quyền ở đây chiếm giữ các thuộc địa. Bằng những hành động trên, dưới ánh sáng của Lê-nin, ngay trước đó và nhất là sau khi Lê-nin mất - người mà Nguyễn Ái Quốc rất ước mong được gặp - Nguyễn Ái Quốc đã viết hàng trăm bài báo, đã viết sách

về chủ nghĩa thực dân cấu thành một hệ thống quan điểm về chủ nghĩa thực dân, về phong trào giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội như: “hai loại người: đi bóc lột và bị bóc lột”, “hai vôi của con đĩa”, “hai cánh của một con chim”, “hai ngọn cờ: giải phóng dân tộc và xã hội chủ nghĩa” để trở thành một chuyên gia có uy tín lớn nhất về vấn đề thuộc địa trong Quốc tế Cộng sản.

Trong khi Quốc tế Cộng sản nhận định rằng công nhân và nông dân ở An Nam... chỉ có thể giành được thắng lợi khi mà công nhân Pháp lật đổ chế độ Clê-măng-xô giành chính quyền nhà nước vào tay mình⁽¹⁾ thì Nguyễn Ái Quốc đã lãnh đạo người dân Việt Nam giành được thắng lợi trong khi công nhân Pháp vẫn chưa lật đổ được chính quyền tư bản.

Trong lần thứ hai tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Quốc tế Cộng sản “Chỉ cho họ (các dân tộc thuộc địa) con đường đi tới cách mạng và giải phóng, cung cấp cán bộ, giúp đỡ họ tổ chức lại...”

Nhưng làm thế nào để chỉ con đường đi, để có cán bộ, để tổ chức họ, Nguyễn Ái Quốc không chờ đợi thụ động ở Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản... Qua kinh nghiệm bản thân mình, thấu hiểu truyền thống, tâm lý, phong cách các dân tộc phương Đông với đa số dân là nông dân mù chữ mà một “việc làm cụ thể, một tấm gương còn giá trị hơn hàng triệu bài tuyên truyền...”. Người đã “đát mỏng những khối thép khổng lồ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thành những vật dụng hàng ngày” cho người dân thuộc địa dùng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin thức tỉnh họ, căn dặn họ “phải tự sức mình”, phải đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới để tự giải phóng.

(1) Trích Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản. Clémenceau 1841 - 1929 - Tổng thống Pháp.

Muốn truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về phương Đông thuộc địa, phải trực tiếp đi đến nơi, nói tại chỗ, đào tạo người tại chỗ, theo một nguyên tắc mà Nguyễn Ái Quốc tự xác định cho mình suốt cuộc đời là “Lời nói đi đôi với thực hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, tư tưởng phải được thể hiện qua tổ chức”.

Nguyễn Ái Quốc quan niệm rằng “Công việc quan trọng bậc nhất, công việc hàng đầu của cách mạng là thống nhất chỉ huy, phân phối lực lượng cách mạng, mà muốn bảo đảm thắng lợi cho các mặt công việc trên phải có giao thông liên lạc. Trong những năm 1920, Quốc tế Cộng sản không có giao thông liên lạc đến miền Nam Trung Quốc, đến Đông Nam châu Á... Vì không có giao thông nên những thông tin về “Trung tâm cách mạng” này không đến được Quốc tế Cộng sản. Những tài liệu, nghị quyết, chỉ thị của Quốc tế Cộng sản không đến được nơi này như chính nữ đồng chí Voóc-ben, phái viên của Quốc tế Cộng sản ở Quảng Châu đã phàn nàn là không nhận được tài liệu (báo chí, chương trình, v.v.) mà nữ đồng chí đã xin Mát-xơ-va, nên đã cản trở việc hoàn thành công tác của nữ đồng chí đó” dù đã viết thư nhiều lần cho Quốc tế Phụ nữ nhưng đều không có hồi đáp và không mang lại kết quả. Quốc tế Cộng sản cũng nhận thấy hạn chế này của mình. Vì vậy, trước khi Nguyễn Ái Quốc đi Trung Quốc, Đông Nam Á vào mùa thu năm 1924. Quốc tế Cộng sản đã uỷ nhiệm Nguyễn Ái Quốc thiết lập hệ thống giao thông liên lạc giữa Quốc tế Cộng sản với những người cách mạng Đông Dương.

Với tư cách là uỷ viên Quốc tế Cộng sản - uỷ viên Bộ Phương Đông, Bí thư cục Phương Nam, cho đến năm 1930, Nguyễn Ái Quốc là một trong số rất ít cán bộ của Quốc tế Cộng sản đi vòng quanh thế giới, đến gần khắp

các trạm giao thông của Quốc tế Cộng sản từ Mát-xcơ-va qua châu Âu, Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Quốc, rồi trở lại Mát-xcơ-va.

Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên tổ chức hệ thống giao thông liên lạc cách mạng từ Pháp về Đông Dương với các nước thuộc địa ở châu Phi, châu Đại Dương. Tiếp sau đó, Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên tổ chức hệ thống giao thông liên lạc của Quốc tế Cộng sản từ Mát-xcơ-va đến Quảng Châu, Đông Dương, Ma-lay-xi-a, Sin-ga-po, Thái Lan, Lào.

Qua hệ thống giao thông này, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển về Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản những báo cáo về tình hình cách mạng Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Ma-lay-xi-a, Thái Lan và cả Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản. Nguyễn Ái Quốc cũng nhận được từ Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản những chỉ thị, nghị quyết, báo chí của các đảng châu Âu, tiền trợ cấp của Quốc tế Cộng sản để tiến hành công tác. Nguyễn Ái Quốc tự mình cũng đã biên soạn tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin theo cách riêng của mình, chuyển về Việt Nam theo cách Việt Nam, đào tạo cán bộ, cử họ về nước để giác ngộ đồng bào mình, tổ chức đồng bào đi tới cách mạng và giải phóng.

Hệ thống này đã tạo ra ít nhất là một nước Việt Nam đi đúng quỹ đạo mác xít - Lê-ninnít, lần đầu tiên trong hệ thống thuộc địa phá vỡ mắt xích thực dân, gây hạt nổ dây chuyền đến các dân tộc khác, biến “một phần hai tỷ người” (theo cách tính của Lê-nin năm 1924 hoặc 560 triệu 193 ngàn người theo Nguyễn Ái Quốc năm 1924), biến những nô lệ trở thành những con người tự do, bình đẳng với mọi người khác.

Từ sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt, bị cầm tù ở Victoria, rồi trở về Liên Xô đảng đảng 5 năm trời ở Mát-xcơ-va,

Quốc tế Cộng sản không có được hệ thống giao thông liên lạc tin cậy như trước đó và cũng không có được những thông tin trung thực về tình hình khu vực Đông Nam Á...

Như vậy là, Nguyễn Ái Quốc, ngoài đóng góp về mặt lý luận về chủ nghĩa thực dân còn thật sự đóng góp về mặt tổ chức thực hiện lý luận vào những nước thuộc địa - một công tác tổ chức mà trước đó Quốc tế Cộng sản chưa có điều kiện thực hiện được.

Quốc tế Cộng sản và không ít người viết lịch sử hoạt động của Quốc tế Cộng sản chưa đánh giá hết cống hiến này của Nguyễn Ái Quốc, cũng chưa tổng kết được một cách đầy đủ cống hiến này của Người.

HỒ CHÍ MINH

VỚI VẤN ĐỀ BIỆT LẬP VÀ HOÀ NHẬP^(*)

Sau hơn 10 năm từ già Tổ quốc ra đi, làm thủy thủ, làm thợ, làm những nghề mà các ông bà quý phái cho là không danh giá gì, anh Nguyễn Tất Thành đã thu hoạch được một “hũ vàng” mà trí thức đương thời ở độ tuổi của anh ít ai có được trên nhiều vấn đề, nhất là về tình hình của các dân tộc thuộc địa.

Con tàu và biển cả đã nối liền các dân tộc anh em và cũng nối liền sự suy tư của anh trong vấn đề hoà hợp và tiếp xúc.

Ngày 20 tháng 5 năm 1924, bảy giờ đã là Nguyễn Ái Quốc, anh có viết một lá thư gửi cho Pê-trốp, Tổng thư ký Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc trình bày những suy nghĩ từ lâu của mình về “sự suy yếu của các dân tộc phương Đông”, theo anh, nguyên nhân của sự suy yếu đó là vì “sự đơn độc”⁽¹⁾.

Quan niệm của Nguyễn Ái Quốc cách đây hơn 70 năm về sự giàu mạnh của mỗi dân tộc – nhất là các dân tộc thuộc khu vực phương Đông – là không thể tự giam mình trong đơn độc, hoặc không nên để “người ta” bỏ rơi, biệt lập mình.

(*) Tạp chí Nhà báo và công luận, số tháng 5-1993.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, tr.207.

Quan niệm này là một chân lý khoa học. Cũng như cây cỏ, động vật cấp thấp, động vật cấp cao là con người rất cần sự giao lưu, thông tin để sống, tồn tại và phát triển. Một cá nhân con người đã cần sự hoà nhập, thì một xã hội, một dân tộc lại có nhu cầu ấy cấp thiết đến nhường nào!

Suốt trong mấy chục năm tiến hành công tác tổ chức cách mạng, Nguyễn Ái Quốc bao giờ cũng chăm lo đến việc thu nhập thông tin, tình hình chính trị, xã hội, kinh tế của đất nước Việt Nam và các dân tộc có liên quan đến sứ mệnh của mình.

Cách mạng tháng Tám thành công (1945), tuy Việt Nam bị bưng bít đường ra lối vào, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tìm đường đưa đất nước thoát khỏi sự “đơn độc”, dựa vào các nước láng giềng, bạn bè dù thể chế chính trị có khác với Việt Nam, để hoà nhập với trào lưu thế giới.

Chung sống hoà bình trong điều kiện chiến tranh lạnh là một tiến bộ, một điều vô cùng đáng quý.

Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh, con người nhân văn của thế kỷ XX - còn mong muốn xa hơn. Người ước vọng: các dân tộc, dù ở dưới chế độ chính trị, tôn giáo, chính kiến nào, cũng có thể cùng nhau đi tới một tương lai tốt đẹp, xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, giải phóng được mỗi con người, từng dân tộc - theo ý nghĩa thực sự của từ “giải phóng” đó. Gần 70 năm nay, Người đã đề ra những điều kiện, có thể gọi là những nguyên tắc, hay những yêu cầu với nội dung mong mỗi tránh cho đất nước bị cô lập, đơn độc, làm cho đất nước hoà nhập với bạn bè.

Theo Hồ Chí Minh, các dân tộc cần:

“- Có những quan hệ và tiếp xúc với nhau, cần thông báo cho nhau biết những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi...

- Tin cậy lẫn nhau.

- Phối hợp hành động và cổ vũ lẫn nhau...”⁽¹⁾

Các nhà chính trị, kinh tế, ngoại giao... sẽ tìm thấy trong những yêu cầu trên biết bao việc phải làm. Các cơ quan báo chí, thông tấn, truyền hình, văn hoá, nghệ thuật, nếu kế thừa được tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng sẽ nhận ra biết bao công việc, nếu chưa làm thì cần phải làm ngay để cho “những bức tường gì đó” không thể ngăn cản nổi những cái bắt tay bạn bè của các dân tộc, chí ít cũng không để “bóng ma sắc tộc” gây ra đau khổ cho các bà mẹ, các em nhỏ ngây thơ, ngăn chặn những mưu toan làm sống lại những tội ác còn ghê tởm hơn bọn phát xít, huỷ diệt trong con tim vốn hiền lành, chí thiện của mỗi con người.

Có các sách, kinh tôn giáo đã xuất hiện, tồn tại hàng ngàn năm nay và vẫn mang đến cho tín đồ một điều gì đó khiến họ bằng lòng chấp nhận.

Có những viên ngọc tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều năm nay vẫn nằm trên mảnh đất thân yêu của chúng ta vì một lý do nào đó mà ta chưa tìm thấy, nay đã soi ánh sáng huyền diệu cho thời đại này. Ở thời điểm hôm nay mà ta vẫn tưởng rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh mới nói với chúng ta ngày hôm qua.

Xong ra ngoài trời nắng chắc sẽ không như trong buồng the, mà sẽ có giông bão, sẽ gặp chông gai... Tai phải thính, biết chọn lọc; mắt phải tinh, biết phân biệt; óc phải tỉnh, để suy ngẫm. Phải có một cơ thể mạnh, một tâm hồn trong sáng, một cái gốc truyền thống vững vàng mới không bị “đồng hoá” được...

Trong thế giới hôm nay, những điều mong ước trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể đem lại lợi ích cho nhiều người.

(1) *Sổ đ*, tr 207.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT^(*)

Ngày 17 tháng 11 năm 1995, trong lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam tại Hà Nội, Tổng Bí thư Đỗ Mười khẳng định: Mặt trận Dân tộc thống nhất đã có những đóng góp hết sức to lớn, thực sự là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam chính là sự thể hiện rõ nét đường lối, phương pháp đại đoàn kết do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng, tổ chức và thực hiện.

Trong tình hình cách mạng hiện nay ở nước ta, để xây dựng một nước Việt Nam nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh vẫn rực sáng như một ngôi sao dẫn đường, vẫn mãi mãi là kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường đi tới mục tiêu đó.

*

Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là sản phẩm trí tuệ của Người, là một bộ phận trong toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh.

(*) Trích Đại đoàn kết và mặt trận đại đoàn kết, NXB Lao động, 2000.

Từ chủ nghĩa yêu nước di đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, qua hoạt động thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã tiến hành hai việc lớn cơ bản nhất mà trước đó các nhà yêu nước khác không làm được, đó là:

1. Tìm ra con đường cứu nước.
2. Xác định được một phương pháp cứu nước thành công.

Các thế hệ tiền bối, thuộc bậc cha chú của Nguyễn Tất Thành, đều có kém thua về tinh thần yêu nước, đấu tranh và hy sinh để giành độc lập cho dân tộc. Nhưng họ không tìm ra con đường, không xác định được đường lối cứu nước mà chỉ thực hiện bằng những kinh nghiệm nên những chủ trương “cầu viện”, “mở mang dân trí”, “bạo động”... liên tiếp không thành công. Trong thời điểm ấy, chỉ có Nguyễn Ái Quốc nhận thức được quy luật khách quan, đã tìm thấy con đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam. Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh có nguồn gốc trước hết ở chính con người Hồ Chí Minh. Đó là sự kết hợp của tinh hoa văn hoá cổ - kim, đông - tây với truyền thống cũng như thực tiễn Việt Nam, của lịch sử loài người dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nho học, Nguyễn Tất Thành chứng kiến hàng ngàn, hàng vạn nông dân miền Trung chống thuế. Kai còn là học sinh Trường Quốc học Huế, anh đã bước đầu nhìn ra được sức mạnh đoàn kết và đã đứng vào hàng ngũ của sức mạnh đó. Rồi nước ra đi, bước chân anh đi đặt trên gần 40 nước của châu Á, châu Âu, châu Mỹ. Lênh đênh trên các đại dương, anh Văn Ba, rồi Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận thêm tinh thần tương thân, tương ái của những người lao động dù khác màu da, tiếng nói nhưng “cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi, tình hữu ái

vô sản"⁽¹⁾. Hai tiếng “đồng bào” mà khi còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung được hiểu nghĩa tiếng Hán là “con cùng một bọc cha mẹ sinh ra”, được Nguyễn Tất Thành cùng bà con nông dân miền Trung gọi chung - có thể là lần đầu tiên, đã được anh hiểu rộng thêm là “những người con của cha là trời lớn, mẹ là đất lớn, tất thấy loài người là con chung một bào thai đẻ ra, nên có câu “Tứ hải đồng bào, thế giới đồng bào”⁽²⁾.

Từ tình cảm quê hương “Nghĩa nặng tình sâu”, “Máu chảy ruột mềm”, “Môi hở răng lạnh”, từ tấm lòng “Lá lành đùm lá rách”, “Một năm khi đói bằng một gói khi no”, “Bầu ơi thương lấy bí cùng”, cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã sớm hoà mình trong tinh thần “Thương người như thể thương thân”, quan tâm đến con người cùng cảnh ngộ, để rồi Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc thấy rõ hơn sức mạnh vật chất từ tình đoàn kết trong ý tưởng “chữ đồng tâm cho chắc mối nên người”⁽³⁾ như Người đã giáo dục cho các em ở trường Dục Thanh - “môi trường xã hội đầu tiên mà Hồ Chí Minh truyền bá tư tưởng đại đoàn kết”.

Được sống và hấp thụ tình thương yêu và đoàn kết trong môi trường gia đình, nhà trường, xóm giềng và chính tình thương yêu ấy, tính thiện ấy đã trở thành nền tảng cho tình thương yêu đoàn kết rộng rãi hơn của Nguyễn Tất Thành để đến khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với kinh nghiệm bản thân trải qua gần chục năm sống và lao động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển tình thương, tình đoàn kết ấy lên một bước mới, một tổ chất mới trong phạm vi rộng lớn hơn, trong đồng bào Tổ quốc mình, trong “anh em bốn phương vô sản”.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, 1980, tr.212.

(2) Đào Duy Anh, Hán - Việt từ điển, NXB Khoa học Xã hội, 1992, tr.302.

(3) Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh, Những mẫu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ. NXB Sự thật, 1985, tr.42-43.

Tính chất cộng đồng chặt chẽ trong gia đình, làng xã Việt Nam, truyền thống “Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng” của dân tộc Việt Nam, một đất nước với nền văn hoá phương Đông, còn là cái nôi cho tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh nảy sinh và trưởng thành.

Quê hương Nghệ An của Hồ Chí Minh vốn là nơi “đất xấu, dân nghèo” nhưng lại ham học, cần cù lao động, dồi dào tình cảm. Nhiều người từ các nơi khác cũng đến Nghệ An, đông nhất là từ sau thế kỷ XI, lập nên nhiều dòng họ mới, tích tụ nhân tài, sáng rực một vùng văn hoá bản địa. Cư dân Nghệ An từ lâu đời đã phải đùm bọc nhau trong tình nghĩa xóm làng để chống chọi với thiên tai, khí hậu khắc nghiệt, với đói kém triền miên và chiến tranh. Chính trong cuộc đấu tranh ấy, nếu không có được một tinh thần chung tay, chung sức, chung lòng, hợp quần, đoàn kết thì không thể trụ lại được. Nghèo khó, nhưng ham học, trọng tri thức, nên nhân dân Nghệ An “dù nghèo cũng kiếm cho con dăm ba chữ”. Học hành, đỗ đạt, có người ra làm quan, có người lui về ẩn sĩ. Khá đông ông đồ Nghệ đã đi đến nhiều địa phương đem chữ nghĩa thánh hiền gieo mầm văn hoá cho các thế hệ mới.

Từ nhỏ, cậu bé Cung đã được làm quen với sách vở, với chữ Nho. Trong mệnh mang tri thức của các bộ sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, Nguyễn Tất Thành đã đọc được những điều về đoàn kết, đồng tâm, đồng chí trong các lời dạy của Khổng Tử, Mạnh Tử. Từ câu tục ngữ của Việt Nam “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, cậu Thành lại tìm thấy trong sách Hán mà anh học có những câu như “Cái áo làm bằng lông cừu sắc trắng, đâu phải do một con mà đủ”, “Bởi núi Thái Sơn không từ một cục đất nên mới được cao; Sông bể không bỏ một dòng

nước nhỏ nên mới được sâu”⁽¹⁾. Tất Thành cũng đã từng đọc “*Tứ hải giai huynh đệ*” (Bốn bể đều là anh em) - câu của Tử Hạ⁽²⁾. Đồng thời, Tất Thành cũng hiểu: Tuy rằng “Nhân chi sơ tính bản thiện”, nhưng lại “Tính tương cận, tập tương viễn” (khi mới sinh ra con người vốn thiện, sau vì tập quán (xã hội) mà xa điều thiện). Cho nên, tuy con người vốn có tính yêu thương đoàn kết, nhưng nếu không được giữ gìn, giáo dục (dấu tranh) tính đó cũng không dễ gì tồn tại, củng cố, để phát triển.

Nằm giữa hai luồng văn hoá, của Ấn Độ lấy truyền thống là thần học, của Trung Quốc là nhân học (về con người), Việt Nam đã “Việt hoá” đạo Phật, thực hiện một cuộc sống “vô ngã hoà đồng” giữa mình và người. “Tất cả những khác biệt giữa cá nhân, giai cấp, quốc gia không phải là khác biệt bản chất mà chỉ là khác biệt hình tượng và ý niệm, nên có thể gặp nhau trong một cuộc sống hoà thuận”⁽³⁾.

Khác với truyền thống văn hoá phương Tây là “thiên học” (về vũ trụ, trời đất), từ đó sinh ra lý luận, pháp luật chặt chẽ đến từng câu chữ, dấu chấm phẩy..., rạch ròi về mặt lý lẽ, văn hoá truyền thống phương Đông coi trọng “tình nghĩa”, “có lý, có tình”. Trong ứng xử của phương Đông, không nhất thiết phải là lý lẽ, là pháp luật mới giải quyết được vấn đề (mâu thuẫn, sự việc) trước mắt và lâu dài, không nhất thiết đều theo lệnh, theo luật của vua, mà còn có sự tham gia của “chữ tình” bên cạnh “chữ lý”, còn có “lệ làng” mà phép vua có thể thua.

(1) “*Bạch hổ chi cầu, phi nhất dịch chi bì dã*”, “*Thị dĩ Thái Sơn bất nhượng thổ nhượng, cố năng thành kỳ đại, hà hải bất trạch tế lưu, cố năng lự kỳ thâm*”, *Từ điển danh ngôn Đông - Tây*, NXB Văn học, 1993, tr.551.

(2) 250 câu trích dẫn nghiên cứu phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh. Đề tài KX-02-03 bản đánh máy, trang 4.

(3) 250 câu trích dẫn nghiên cứu phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh. Đề tài KX-02-03 bản đánh máy, trang 21.

Nghiên cứu cuộc đời của Hồ Chí Minh, ta lại bắt gặp những mệnh đề của văn hoá phương Đông, của Việt Nam trong con người Hồ Chí Minh khi đã là người yêu nước, người cộng sản, nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc... Đó là trường hợp những câu nói phổ biến đã mang tính toàn dân như:

- *Quan san muôn dặm một nhà*
Vì chung bốn bể đều là “anh em”.
- *Người Cộng sản phải ăn ở với nhau cho có tình, có nghĩa.*
- *Muốn đoàn kết cần đấu tranh, đấu tranh để đoàn kết.*
- *Dân ta xin nhớ chữ “Đông”.*

và cuối cùng là:

- *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*
Thành công, thành công, đại thành công.

Được trang bị những kiến thức, tình cảm về đoàn kết, hợp quần, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc còn bổ sung cho mình những tinh hoa văn hoá thế giới, và những hiểu biết mới về đoàn kết.

Có lẽ câu cách ngôn của văn hoá phương Tây, cụ thể là của nước Pháp đến với Tất Thành là: “Đoàn kết là sức mạnh”⁽¹⁾. Theo nhiều người “Tây học” cũ, đây là một câu cách ngôn được viết lên bảng đen vào ngày đầu tuần tại các trường tiểu học Pháp - Việt trong thời gian thực dân Pháp cai trị Đông Dương. Đọc Mông-tét-xki-ơ, trong cuốn *Về tinh thần luật pháp*, hẳn Nguyễn Tất Thành đã bắt gặp câu: “Với một trăm nghìn cánh tay nhân dân có thể lật đổ tất cả”⁽²⁾. Đọc Vôn-te, Tất Thành nắm được tinh thần “Nhân dân là sức mạnh không ai chế ngự nổi”⁽³⁾. Phương Tây còn có những câu như “Đoàn kết thì

(1) *L'Union fait la force.*

(2) (3) 250 câu trích dẫn..., *Sổd*, tr.38, 43.

sống, chia rẽ thì chết”, “Nếu cái việc mà mỗi người chúng ta không làm được, hợp sức lại biết đâu sẽ làm được”, “Vì đồng lòng mà việc nhỏ thành lớn, vì bất hoà mà việc lớn thành tan vỡ”, v.v. Nguyễn Tất Thành đã biết đến câu châm ngôn của nước Anh: “Quả đấm mạnh hơn bàn tay, dù nó chỉ là bàn tay”. Văn hoá Trung Đông lại có câu “Bầy kiến chung sức có thể thắng con sư tử”. Ấn Độ cũng cấp cho Tất Thành một phương pháp “Nếu biết đoàn kết, con người sẽ làm nên những điều kỳ diệu”. Trong Kinh Phật có câu “Sát lại bên nhau thì than cháy đỏ, rời nhau ra than sẽ tắt lịm đi”. Ở Liên Xô, nhân dân các dân tộc thường nhắc đến câu tục ngữ của Ác-mê-ni: “Khi con sói xuất hiện, dù đang đánh lẫn nhau, chó cũng sẽ đoàn kết lại”.

Chúng ta chưa có cơ sở khoa học, lịch sử để khẳng định chắc chắn rằng những kiến thức, hiểu biết về đoàn kết mà Nguyễn Tất Thành rút ra được là từ nền văn minh, văn hoá cổ kim đông tây vào thời điểm đó, nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng tri thức đoàn kết của bốn biển năm châu xưa nay đã được đúc kết và hoà quyện vào con người Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Một con người đã coi đoàn kết - đại đoàn kết - đại hoà hợp⁽¹⁾ là đường lối cách mạng, là một phương pháp cách mạng hẳn không thể thiếu được từ vốn tình hoa của loài người.

Tất cả những tri thức đó đã được tổng hợp, tổng hoà lại khi Nguyễn Ái Quốc tìm gặp tới chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Ăng-ghe-n đã từng xem xét chiều sâu và phẩm chất cao đẹp nhất của con người là xu hướng gặp nhau, hiểu biết nhau, thương yêu nhau. Lê-nin đã đòi hỏi: “Nhiệm vụ

(1) “Đại hoà hợp” - chữ Hồ Chí Minh viết trong thư gửi các vị tăng ni và đồng bào tín đồ Phật giáo nhân dịp lễ Đức Phật Thích ca thành đạo, ngày 8-1-1957, Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Sự thật, 1987, tr.561.

của chúng ta là tạo nên một thế giới đại đồng của các dân tộc bình đẳng". Khẩu hiệu "Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới liên hiệp lại" của Lê-nin với tư tưởng đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc là sự thống nhất tất yếu logic và lịch sử, không thể nào khác được.

Với Nguyễn Ái Quốc, Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lê-nin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng "nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được"⁽¹⁾.

Như vậy là, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phép biện chứng duy vật, tư tưởng hợp quần, đoàn kết, hoà hợp truyền thống của quê hương, đất nước, của các nền văn hoá mà loài người đã định hình, sau khi được phân tích, kiểm nghiệm, đã được đúc kết thành tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh. Và chính tư tưởng về đoàn kết của Người làm cho lý luận Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội khoa học thêm phong phú.

Tuy nhiên, sự hình thành tư tưởng đoàn kết của Người không phải chỉ dựa trên lý luận. Đối với Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, điều quan trọng hơn và cũng là điểm sáng tạo của Người là thực tiễn, thông qua thực tiễn để xác lập tư tưởng, phương pháp, đường lối... vì thực tiễn có thể được xem như là điểm xuất phát, cũng là đích đến của Hồ Chí Minh.

Thực tiễn về đoàn kết, hợp quần đã có sẵn trong sinh hoạt gia đình, trong cộng đồng, xóm làng quê hương của cậu bé Nguyễn Sinh Cung. Thực tiễn đó hiện lên trong các câu chuyện lịch sử do mẹ kể, trong các trang sách

(1) "Lê-nin và các dân tộc thuộc địa" - trích Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 2, NXB Sự thật, 1987, tr.2.

lịch sử của cha ông, tổ tiên... Thực tiễn đó còn được tiếp nhận, sàng lọc qua các tri thức thất bại, thành công của loài người, tri thức Đông - Tây mà Nguyễn Ái Quốc có điều kiện tiếp nhận được. Là một thanh niên yêu nước, Nguyễn Tất Thành đã thấy rõ chính sách “chia để trị” của thực dân đế quốc Pháp, thể hiện trong việc 3 xứ Việt Nam có 3 chế độ cai trị khác nhau: Thuộc địa là Nam Kỳ, bảo hộ là Bắc Kỳ, vừa có bảo hộ vừa có vua là xứ Trung Kỳ. Chính sách “chia để trị” này vốn có từ thời La Mã cổ đại mà cho đến thế kỷ XX, thực dân Pháp vẫn còn sử dụng. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho đến năm 1911 - khi Tất Thành đi ra nước ngoài - bên cạnh những lý do về mục tiêu, lý tưởng, hệ tư tưởng còn có lý do về phương pháp, trong đó chủ yếu là chưa có được “Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” (Hồ Chí Minh). Nguyễn Ái Quốc đã từng nhận xét: “Việt Nam Quang phục hội lúc mới thành lập khá mạnh. Nhưng hội viên không thống nhất với nhau”⁽¹⁾. Nêu lý do vì sao phải viết sách này (tức là sách *Đường cách mệnh*), Nguyễn Ái Quốc nói rõ: “Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực thì ai ai cũng phải gánh một vai. Có như thế mục đích mới đồng, mục đích có đồng chí mới đồng, chí có đồng tâm mới đồng, tâm đã đồng lại phải biết cách làm gì, làm mới chóng”⁽²⁾. Đây cũng là một thực tiễn đối với Nguyễn Ái Quốc. Có thể trong một cuộc vận động cách mạng nào đó, tuy đã có “đồng mục đích, đồng một chí hướng, đồng một lòng”, nhưng “không biết cách làm (tức là đường lối, phương pháp) thì làm không chóng và có khi không thành công”.

(1) Báo Thanh niên, số 6, ngày 26-7-1925, tư liệu của Viện Hồ Chí Minh.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Đường cách mệnh, Sđd, tr.180.

Nhận xét về cách mạng Pháp - một trong những thực tiễn của thế giới, Nguyễn Ái Quốc viết: "Đàn bà, trẻ con cũng giúp làm việc cách mạng được nhiều". "Pa-ri công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày (có thể hiểu là đoàn kết liên minh với nông dân), đến nỗi thất bại"⁽¹⁾. Khi giới thiệu cách mạng Nga, Nguyễn Ái Quốc viết: "Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt kách mệnh, và dân cày phụ vào. Kách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn kách mệnh thành công thì phải (lấy) dân chúng (công nông) làm gốc... phải hy sinh, phải thống nhất"⁽²⁾. Cũng trong *Đường kách mệnh*, ta bắt gặp lại những câu nói dân gian, tục ngữ Việt Nam như "Nhóm lại thành giàu, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao..."⁽³⁾.

Năm 1924, trên tờ báo *Đời sống công nhân* (La vie ouvrière) số 20, dưới đề bài *Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa*, sau khi đã được thực tiễn cách mạng Nga chứng minh, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ"⁽⁴⁾.

Thực tiễn về đoàn kết, hợp quần của Nguyễn Ái Quốc còn thể hiện trong vấn đề tổ chức - điều mà sau này trở thành hiện thực qua các Hội Liên hiệp thuộc địa, Việt Nam Độc lập đồng minh, các Mặt trận... Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét: "Tổ chức này (Việt Nam Quang phục hội) thiếu tổ chức"⁽⁵⁾. "Nếu hiện nay nông dân vẫn còn trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ

(1) (2) (3) *Đường kách mệnh*, tr.198, 207, 249.

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, NXB Sự thật, 1980, tr.249.

(5) *Báo Thanh niên*, số 6, ngày 26-7-1925.

chức"⁽¹⁾. Tổ chức, đó có thể hiểu là quá trình tuyên truyền, giác ngộ, tập hợp lại để "đồng tâm, đồng lòng" trong một lý tưởng chung, cùng nhau thực hiện chung một mục đích. Mà đường lối cũng như phương pháp, để có thể làm được việc ấy là phải "kết hợp truyền thống văn hoá, dân tộc, nhân loại và thời đại với việc phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lê-nin"⁽²⁾ dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, theo con đường của Mác - Lê-nin.

Nhận thức, tiếp thu, đối chiếu qua kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, của cách mạng thế giới, tình hoa của nhân loại, được chủ nghĩa Mác - Lê-nin chiếu rọi, từ tình cảm tiến lên tư tưởng, rồi từ tư tưởng tìm ra được một phương pháp tổ chức để thể hiện tư tưởng đó, quá trình hình thành tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã có những bậc thang khá cụ thể. Những bước đi liên tiếp bổ sung, phát triển để đạt được trọn vẹn, đạt được hiệu quả thực tế, đã để lại cho dân tộc Việt Nam - có thể cho cả loài người - một di sản lớn: Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh.

Đối với Nguyễn Ái Quốc, "tri" là để "hành", "tri - hành" là thống nhất. Có thể nói, trong 10 năm, kể từ khi rời cảng Nhà Rồng ra đi, tiếp xúc với thực tiễn, Người nhận thấy rõ "Ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác, vô nhân đạo, ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột rất dã man, các dân tộc thuộc địa"⁽³⁾ đều có một kẻ thù không đội trời chung là

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, tr.230.

(2) Đường cách mệnh, tr.207 (Chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lê-nin là chủ nghĩa Mác - Lê-nin - BT).

(3) Theo Nguyễn Ái Quốc, trong Tham luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa tại Đại hội Quốc tế lần thứ 5 của Quốc tế Cộng sản (1924): 9 nước đế quốc đã bóc lột hàng trăm dân tộc với số dân là 390.193.000 người, chiếm 3/5 số dân các nước thuộc địa" - Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, H. 1989, tr.215.

bọn đế quốc thực dân, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn..."⁽¹⁾ Muốn giải phóng họ ra khỏi cái ách thực dân đó, phải tổ chức họ lại, tập hợp lôi cuốn được đại đa số dân cày, dựa vững vào dân cày nghèo, lãnh đạo họ tiến hành cách mạng ruộng đất... mở rộng liên kết với các giai tầng xã hội khác... gắn liền với việc mở rộng liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới"⁽²⁾.

Tất cả những suy nghĩ, phân tích trên được cụ thể hoá thành một hành động: "Năm 1921, ở Pa-ri, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, ra báo *Người cùng khổ* nhằm tập hợp lực lượng chống đế quốc trong các thuộc địa của Pháp"⁽³⁾.

Nếu coi Hội liên hiệp thuộc địa này là một hình thức tổ chức đoàn kết, một mặt trận đoàn kết các lực lượng chống đế quốc trong phạm vi các nước thuộc địa - có nghĩa là phạm vi quốc tế, thì Hội liên hiệp thuộc địa là "Mặt trận đoàn kết đầu tiên mà anh Nguyễn có tư cách là một trong những người sáng lập". Và năm 1921 có thể gọi đó là mốc lịch sử mà toàn bộ tri thức về đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc đã chín muồi.

Tư tưởng đoàn kết, đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc tiếp tục được thực hiện trong các bài giảng ở lớp huấn luyện tại Quảng Châu⁽⁴⁾ (1925 - 1926). Phương châm "đồng mục đích, đồng chí, đồng tâm" trong *Sách lược vắn tắt của Đảng* (1930) tác động đến việc thành lập các

(1) Nguyễn Ái Quốc, *Truyện và ký*, NXB Văn học, 1974, tr.44.

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, tr.187.

(3) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tóm tắt*, NXB Sự thật, 1985, tr.18.

(4) Bài "Hãy yêu thương nhau và cùng nhau đoàn kết" trên báo *Thanh niên*, số 9 (23-8-1925) viết: "Kể không đoàn kết như con chim lạc đàn... Nghĩa vụ một người dân là phải yêu Tổ quốc" - Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, bộ mới, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.440.

hội, các mặt trận tiếp theo như Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức mà Nguyễn Ái Quốc là Bí thư kiêm phụ trách Chi bộ An Nam, Mặt trận phản đế Đông Dương. Mặt trận dân chủ 1936 - 1939, Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương (1939). Tháng 9 năm 1940, ở Hoa Nam có hai tổ chức của những người yêu nước Việt Nam: Việt Nam độc lập đồng minh hội⁽¹⁾ của Hồ Học Lãm và Việt Nam giải phóng uỷ viên hội do Trương Bội Công lãnh đạo. Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương hợp nhất hai tổ chức này lại, hẳn là cũng nhằm mục đích để đại đoàn kết.

Tháng 5 năm 1941, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, Hồ Chí Minh đã đưa ra đề nghị thành lập Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh⁽²⁾ và đã được Hội nghị thông qua. Đây là một mặt trận thể hiện rất rõ tinh thần đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh. Việt Minh bao gồm các hội cứu quốc của các tầng lớp nhân dân (Công nhân cứu quốc hội, Nông dân cứu quốc hội, Thanh niên cứu quốc hội, Phụ nữ cứu quốc hội, Phụ lão cứu quốc hội, Quân nhân cứu quốc hội⁽³⁾, Phật giáo cứu quốc hội, Việt kiều cứu quốc hội, v.v.)⁽⁴⁾ Chính Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã viết “Chương trình Việt Minh” chủ trương “liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc,

(1) Một hội quần chúng do ông Hồ Học Lãm tổ chức thành lập tại Nam Kinh năm 1935, theo chủ thích tập Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, 1993, tr.289.

(2) Không phải là Việt Nam độc lập đồng minh hội của Hồ Học Lãm như một số người nhầm lẫn, như báo Đại đoàn kết số 29, 11-1995.

(3) Xin lưu ý là từ năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã ra báo Kèn gọi lính, Linh cách mệnh, Hội quân nhân cứu quốc này trước Cách mạng tháng Tám chủ yếu là vận động binh lính trong quân đội địch.

(4) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tr.55. Ngoài ra còn có các hội bao gồm các nhâm sĩ, địa chủ, đồng bào công giáo và Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội.

phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho Việt Nam, ký những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước về mọi phương diện... liên hiệp với tất cả nhân dân và dân tộc bị áp bức trên thế giới"⁽¹⁾.

Nếu như năm 1921, với sự kiện thành lập Hội liên hiệp thuộc địa được xem là một mốc lịch sử thì năm 1941, với chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, tư tưởng đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh đã chiếm lĩnh đỉnh cao nhất, đã trở thành bó đuốc soi sáng cho mọi hành động, tổ chức, thể hiện tư tưởng đó cho sau này, cho đến ngày nay.

Việc ra đời các Mặt trận liên Việt, Mặt trận Tổ quốc, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh từ mốc lịch sử 1921.

Rõ ràng, sự phát triển tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là một quá trình tổng hợp nhiều yếu tố; từ thấp đến cao. Với tư duy độc lập của mình, Hồ Chí Minh đã khai thác những tinh hoa văn hoá, trí tuệ loài người để có thể vận dụng vào Việt Nam, loại bỏ những gì đúng, phù hợp với nơi khác, thời điểm khác mà không đúng và không phù hợp với Việt Nam. Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường, đường lối chiến lược cũng như phương pháp cách mạng duy nhất đúng ở Việt Nam là đại đoàn kết. Nhưng do nhiều hoàn cảnh, lý do, điều kiện, nên tư tưởng và phương pháp này không phải ngay từ đầu đã được khẳng định trên phạm vi quốc tế cũng như trong nước.

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3, NXB Sự thật, 1983, tr.419 - 423.*

Cho đến Đại hội Quốc tế Công sản lần thứ VII năm 1935, khi nguy cơ của cuộc tấn công do bọn phát xít cầm đầu đã rõ ràng, trước tình hình phải thành lập một mặt trận chống phát xít rộng rãi như đề nghị của Tổng Bí thư Quốc tế Cộng sản Đê-mi-trốp, tư tưởng đại đoàn kết và sách lược cách mạng của Nguyễn Ái Quốc mới được khẳng định.

Tháng 7 năm 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở Thượng Hải “Căn cứ vào tình hình thực tế nước ta và căn cứ Nghị quyết của Đại hội VII, Quốc tế Cộng sản đã chủ trương lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương, gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương, bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các đoàn thể, các nhóm chính trị tán thành cải cách dân chủ và tiến bộ⁽¹⁾.”

Nghị quyết của Hội nghị này đã khẳng định chính cương, điều lệ, sách lược của Nguyễn Ái Quốc là đúng đắn, mở đường đi tới sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941) về việc thành lập Việt Minh.

Chúng ta đều rõ, Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà tư tưởng, một anh hùng giải phóng dân tộc, một danh nhân văn hoá... mà còn là Chủ tịch một nước, một nhà chính trị. Do vậy, trong hoàn cảnh, điều kiện nào đó, Hồ Chí Minh phải ứng xử như một nhà chính trị - ngoại giao, nhưng điều cơ bản là ứng xử ấy không bao giờ vi phạm nguyên tắc “Đi bất biến ứng vạn biến”, không bao giờ có hại cho cách mạng.

(1) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd. tr.45.

Từ những năm 1948 - 1950, trong bài giảng “Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử”⁽¹⁾, tác giả X.Y.Z đã nói: Trong lúc cần toàn dân đoàn kết mà chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều ngu ngốc. Năm 1946, Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo: “Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng Dân tộc Việt Nam. Đảng viên của Đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô”⁽²⁾.

Trong cải cách ruộng đất, việc “xoá bỏ những tàn dư của chế độ phong kiến là cần thiết”, nhưng “căn cứ tai hại rất nghiêm trọng của sai lầm cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức thì chủ trương cải cách ruộng đất như đã làm là không cần thiết... Có thể thực hiện mục tiêu người cày có ruộng bằng con đường thích hợp”⁽³⁾.

Cùng với sự vấp vấp trước, sự vấp vấp này trong cải cách ruộng đất lại cho cách mạng Việt Nam thêm một bài học, một kết luận xương máu có thể rút ra: Chừng nào nắm vững tư tưởng đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh thì cách mạng mới có thể vượt qua khó khăn, giành kết quả, đúng như Hồ Chí Minh đã nói:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Và mệnh đề ngược lại: “Chừng nào, nơi nào, ai đó lơ đãng tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh tất sẽ dẫn đến thất bại, đại thất bại”.

(1) Tư liệu của Viện Hồ Chí Minh.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.162.

(3) Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Kết luận về tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ và một số vấn đề lịch sử Đảng thời kỳ 1954-1957 ngày 25-5-1994, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2 NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.71-72.

Những năm gần đây, khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở cửa, trong nước và ở một số nước ngoài đây lên một yêu cầu “Mở rộng dân chủ, tôn trọng nhân quyền, đoàn kết rộng rãi” mà thực chất là âm mưu diễn biến hoà bình, can thiệp vào chủ quyền nước ta để hòng lật đổ thể chế chính trị của Việt Nam không thông qua vũ khí. Riêng về mặt trận đoàn kết, họ không hiểu, hay cố tình không hiểu để đưa ra các luận điệu xuyên tạc. Trước kia, chúng ta đâu có đoàn kết hẹp hòi. Ngay trong Mặt trận Việt Minh, trước Cách mạng tháng Tám, đã có Hội Việt kiều cứu quốc, Hội Quân nhân cứu quốc. Nhưng cái họ không muốn có là “đấu tranh trong đoàn kết”. Họ muốn đoàn kết một chiều, đoàn kết không có nguyên tắc, và nói xằng là “Như thế mới là đoàn kết theo ý Cụ Hồ”.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ rằng: Hội liên hiệp thuộc địa, Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức do Hồ Chí Minh sáng lập, đều ra đời trước khi Đảng và Công hội thành lập. Và tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh được xác lập, được “thành lập” cũng trước khi các tổ chức ấy ra đời. Nhưng Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói rõ: “Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà trong chủ nghĩa này nguyên tắc phát triển là phê bình và tự phê bình”. “Nói đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Việt Nam là nói đến chủ trương chính sách của Đảng. Ví dụ: Đại đoàn kết. Đoàn kết của ta không phải chín bỏ làm mười mà là phê bình. Phê bình để đoàn kết, để tiến bộ. Nếu không phê bình và tự phê bình thì khi mình làm sai, mình không biết...”⁽¹⁾.

(1) Bài nói chuyện của Bác Hồ về Tổng cương và Điều lệ Đảng (1951), Hồ sơ số 111, Kho lưu trữ Bộ Quốc phòng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh nói riêng và tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung là sự thống nhất trong lý luận Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Như vậy là đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp theo tư tưởng Hồ Chí Minh là đoàn kết trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, như Đại hội lần thứ VII của Đảng đã khẳng định: “Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động”. Chính vì theo kim chỉ nam đó mà đường lối, phương pháp đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp của Hồ Chí Minh là bỏ được soi đường cho cách mạng, cho nhân dân Việt Nam ta mở cửa, hoà nhập, làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, hoà nhập mà không hoà tan, giữ cái riêng mà chấp nhận cái chung.

Nhiều nhà nghiên cứu Hồ Chí Minh cho rằng, cái cốt lõi của đại đoàn kết Hồ Chí Minh là sự khoan dung. Điều đó đúng. Trở lại những câu ca dao, cách ngôn của Việt Nam “Thương người như thể thương thân”, và “Bốn bể là anh em một nhà”, mà Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, ta còn thấy Hồ Chí Minh không bao giờ áp đặt ý kiến, quan niệm của mình đối với bất cứ ai, Người biết “làm cách mạng phải hy sinh ý kiến”⁽¹⁾, rộng rãi với người, nghiêm khắc với mình, tôn trọng niềm tin của người khác. Không có lòng thương người, đại lượng, khoan dung, hy sinh thì không thể nào đoàn kết, đại đoàn kết, đại hoà hợp được. Điều này cũng không có gì trái ngược với việc đấu tranh - đấu tranh để đoàn kết chứ không phải đấu tranh để chia rẽ - theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

(1) Báo Thanh niên, số 6, ngày 26-7-1925.

Sẽ là thiếu sót nếu không đề cập tới nhân tố chủ quan, chủ nghĩa nhân văn, đạo đức phẩm cách tuyệt vời của Hồ Chí Minh - một yếu tố hết sức quan trọng đã tập hợp, lôi cuốn hàng triệu con người đoàn kết xung quanh Người. Có nhiều người chưa hiểu, không hiểu, hoặc không ưa gì chủ nghĩa cộng sản, mặc dù họ biết Hồ Chí Minh là người cộng sản, hơn nữa là lãnh tụ cộng sản, nhưng họ vẫn đi theo Hồ Chí Minh. Họ cũng chưa được học tập nhiều về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chưa trải qua thực tiễn cách mạng, nhưng họ tin và đi theo Hồ Chí Minh. "Văn hoá Việt Nam là văn hoá nhân cách luận"⁽¹⁾. Người Việt Nam đánh giá người khác dựa vào nhân cách của người ấy là chính, không căn cứ vào lời nói tuyên truyền. Và khi họ nhận ra được nhân cách con người đứng đầu, họ nghe theo và làm theo người đó, không ai ngăn cản được họ. Chính nhân cách của Hồ Chí Minh đã đoàn kết được mọi tầng lớp người trong xã hội, dù chính kiến, tôn giáo, dân tộc khác nhau. Chính nhân cách Hồ Chí Minh đã cảm hoá những người chống Hồ Chí Minh, để ít nhất họ không là kẻ thù của Hồ Chí Minh nữa. Và cũng chính là nhân cách Hồ Chí Minh đã làm cho tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh phát triển. Tư tưởng đó của Người trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của chúng ta, cho ngày mai, và mãi mãi mai sau.

*

Xuất thân từ một gia đình nghèo, hiểu rõ nỗi thống khổ của bà con xóm làng, rồi đồng bào cả nước và anh em lao động trên toàn thế giới, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đi từ đoàn kết, liên hợp mọi lực lượng để giải

(1) Phan Ngọc, *Biết dừng, then chốt của phương pháp luận Hồ Chí Minh*. Để tài KX-02-03. Chương trình KX-02 (Tư tưởng Hồ Chí Minh).

phóng con người, giải phóng xã hội, phát triển xã hội, đến đại hoà hợp xã hội. “Con người” theo tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là mỗi thân phận của con người Việt Nam bị áp bức, đồng thời là tất cả những con người “dù màu da có khác nhau” nhưng đều chung một số phận áp bức, bị đối xử như những nô lệ thời Trung cổ. Muốn giải phóng con người ra khỏi xiềng xích nô lệ, trước hết phải đánh đổ bè lũ thực dân đế quốc, phong kiến. Nhưng “Tự do độc lập rồi mà nghèo đói thì tự do độc lập có nghĩa lý gì?”. Cho nên lại phải giải phóng con người ra khỏi đói nghèo, lạc hậu. Mục tiêu của cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa là giải phóng dân tộc. Đó là nguyện vọng của hàng triệu quần chúng lao khổ trên thế giới. Do đó, sự đoàn kết giúp đỡ nhau, cùng giải phóng cho nhau giữa nhân dân thuộc địa và giai cấp vô sản chính quốc để chống lại một kẻ thù chung, vì một mục tiêu chung là một sự tất yếu. Muốn giành được thắng lợi, đạt đến mục tiêu đó, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ là “phải đoàn kết nhau lại”, nếu chia rẽ thì “sức yếu đi, như đũa mỗi chiếc một nơi”⁽¹⁾.

Giải phóng được con người, tùy theo điều kiện lịch sử, kinh tế mà mỗi xã hội tìm thấy phương pháp giải phóng cho xã hội, cho cộng đồng của mình, trên cơ sở đó phát triển xã hội lên một bước mới cao hơn. Con thuyền phát triển xã hội ấy cần tất cả các mái chèo cùng theo một nhịp, cùng bơi về một hướng. Nếu người này chèo xuôi, người kia chèo ngược thì con thuyền không thể đi lên mà có cơ đứng lại, lật đổ. Do đó, đường lối đại đoàn kết phải được tất cả tay chèo của con thuyền cùng hiệp lực để có một tổng hợp lực theo một hướng.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2. NXB Sự thật, 1989, tr. 188

Trong thế giới hiện nay, một trong những nguyên nhân làm bùng nổ các cuộc chiến tranh tàn bạo là mỗi con người không biết chấp nhận niềm tin của người khác, không có lòng bao dung, nhân ái.

Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh “không phải là sách lược mà là chiến lược lâu dài”⁽¹⁾. Chiến lược này, tư tưởng này không phải chỉ áp dụng ở Việt Nam mà có thể tham khảo vận dụng ở một phạm vi lớn hơn. Xu thế của loài người là đi tới hoà bình, hữu nghị, loại bỏ hận thù để mưu cầu một cuộc sống tươi đẹp, công bằng, văn minh. Phải chăng, đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhằm mục tiêu rộng lớn ấy, một mục tiêu mà chính Hồ Chí Minh hằng mơ ước, đấu tranh, hy sinh dâng trọn vẹn toàn bộ cuộc sống, cuộc đời của mình cho khát vọng cao đẹp đó.

Như trên đã trình bày, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh - như bản thân từ “đại” đã nói rõ, là đoàn kết rộng rãi (có đấu tranh), càng rộng rãi càng tạo nên sức mạnh. Đối tượng đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh là giữa con người với nhau, dù con người ấy nói tiếng nói nào, màu da gì, vị trí xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Ngay cả đến những người trước kia không đoàn kết nay biết đoàn kết lại, vẫn được chấp nhận. Trong thư viết ngày 31 tháng 5 năm 1946, Hồ Chí Minh nói rõ:

“Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác. Nhưng thế này, thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy ta phải khoan hồng

(1) Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1976, tr. 16.

dại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng yêu nước. Đối với những đồng bào lạc lõng lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang"⁽¹⁾. Trong "chính quyền mới được bầu ra... có chí sĩ yêu nước như cụ Huỳnh Thúc Kháng, có những người của chế độ cũ như các ông Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, có "công dân Vĩnh Thụy" (vua Bảo Đại mới thoái vị), giám mục Lê Hữu Từ⁽²⁾ ở chức cố vấn. Một thời gian Quốc hội Việt Nam đã dành cho những người thuộc Việt Nam quốc dân đảng, Việt Nam cách mạng đồng minh hội thân Tưởng tới một phần năm số ghế, không qua bầu cử, vì họ không có hy vọng trúng cử qua tổng tuyển cử tự do. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực thà đoàn kết lâu dài với những người thuộc mọi xu hướng, miễn là có tinh thần yêu nước để cùng mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân. Ngay cả sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Vĩnh Thụy đã bỏ nước sang Hồng Kông, Bác vẫn cử cán bộ đi mời về để cùng tiến hành kháng chiến"⁽³⁾.

Qua những dòng viết trên của một trong những học trò gần gũi nhất của Hồ Chí Minh, ta có thể thấy rõ nguyên tắc mà tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh đặt ra là "có tinh thần yêu nước, cùng nhau mưu cầu độc lập..." Đó là trung tâm của sự đoàn kết rộng rãi, là nguyên tắc không thể xa rời, lơ lửng hay xoá bỏ để thực hiện đại đoàn kết.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, NXB Sự thật, 1984, tr.139.

(2) Sau này đã bị Pháp lợi dụng, chống lại nhân dân Việt Nam.

(3) Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây, NXB Quân đội nhân dân, 1995, tr.18.

Tư tưởng đại đoàn kết rộng rãi giữa các dân tộc của Hồ Chí Minh là rất xa lạ với những quan điểm dân tộc hẹp hòi "dân tộc thượng đẳng". Hồ Chí Minh luôn chủ trương đoàn kết các dân tộc Việt Nam, trên thế giới với quyền lợi chung của cộng đồng. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia-rai hay Ê-dê, Xê-dăng hay Ba-na và các dân tộc khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt, chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, đói no giúp nhau... Ngày nay nước Việt Nam là nước của chung chúng ta... Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn non nước ta, chúng ta phải thương yêu nhau, phải giúp nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt"⁽¹⁾. Cơ sở của đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải tin tưởng, bình đẳng, tương trợ lẫn nhau. Đây cũng là một đặc điểm tư tưởng của Lê-nin: không dung thứ bất cứ sự bất bình đẳng nào về mặt dân tộc. Ở Hồ Chí Minh, không có một sự kỳ thị nào về mặt dân tộc. Vì lẽ đó mà Người được nhân dân các dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới yêu mến, kính phục.

Tư tưởng đoàn kết rộng rãi giữa các dân tộc dẫn tới sự cần thiết phải đoàn kết với các quốc gia láng giềng, và khu vực trên thế giới. Đối tượng đoàn kết này của tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ trong việc đoàn kết liên minh giữa ba nước Việt - Miên - Lào: "Dân tộc Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc anh em Miên - Lào thì sức mạnh sẽ đủ để đánh tan thực dân Pháp và

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4. NXB Sự thật, 1984 tr.128.

bọn can thiệp Mỹ"⁽¹⁾. Tinh thần ấy, tư tưởng ấy của Hồ Chí Minh thể hiện rõ ràng trong những năm "sau Hồ Chí Minh": "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁽²⁾.

Một trong những đối tượng đại đoàn kết của tư tưởng Hồ Chí Minh là đoàn kết giữa các tôn giáo. Lịch sử đã diễn ra nhiều cuộc chiến tranh xung đột tôn giáo. Hồ Chí Minh là một người không theo đạo nào, nhưng Người chấp nhận "tấm gương hy sinh của Chúa", "lòng vị tha của Phật"... Hồ Chí Minh đã nói rõ chính kiến của mình: "Các tôn giáo ra đời nói chung đều vì mục đích con người, đều nhằm cứu giúp con người thoát khỏi vòng bể khổ, giúp họ sống trong hoà bình và tự do. Chúa giảng sinh là để cứu vớt nhân loại. Chính Chúa là một tấm gương hy sinh vì những người bị áp bức, vì những dân tộc bị đè nén, vì hoà bình và vì công lý"⁽³⁾. Phật ra đời cũng chính là để "lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha" có nghĩa là, đem lại vui sướng cho dân chúng, quên mình vì người khác"⁽⁴⁾.

Là một người yêu nước chân chính theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh luôn coi những người theo các đạo khác nhau cũng là một bộ phận trong cộng đồng. Những người lao động, người vô sản có đạo cũng đều là những người bị áp bức, là động lực của cách mạng. Họ cũng có tinh thần yêu nước tốt đẹp của dân tộc họ, có tinh thần đoàn kết với mọi người như sách đạo đã dạy... Khó có ai có thể nghĩ rằng giữa

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, NXB Sự thật, 1985, tr.402*

(2) *Tạp chí Quan hệ quốc tế, số 12-1992, tr.4-5.*

(3) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, NXB Sự thật 1984, tr.6.*

(4) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, NXB Sự thật, 1989, tr.781*

tôn giáo và cách mạng, giữa duy tâm và duy vật, tư tưởng Hồ Chí Minh lại khai thác, vận dụng theo một phương pháp chung nhất là đại đoàn kết những yếu tố tích cực trong các tôn giáo vào một mục đích chung. Ngày nay, chính sách đại đoàn kết các tôn giáo đang là một vấn đề rất thời sự cho các dân tộc đa tôn giáo trên thế giới, bởi nhiều lực lượng phản động lợi dụng phương pháp chia rẽ dân tộc, tôn giáo đã lôi cuốn hàng triệu con người vào những cuộc chiến tranh tàn bạo. Như vậy, tư tưởng đại đoàn kết đối với tôn giáo của Hồ Chí Minh cần được quán triệt và thực hiện trong thời đại ngày nay.

Đường lối, chiến lược và động lực tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đều có những nguyên tắc. Có thể nêu ra những nguyên tắc đó như sau:

- Phải tin tưởng vào đối tượng đoàn kết, trước hết là tin tưởng vào khả năng đoàn kết của đối tượng.
- Phải tự giác, tự nguyện. Nếu bị bắt buộc phải đoàn kết, đoàn kết ngoài mặt, đoàn kết hình thức, thì khối đoàn kết, tinh thần đoàn kết không sớm thì muộn sẽ tan vỡ.
- Phải rộng lượng, khoan hồng nhưng không vi phạm mục đích chung, mục đích cao nhất.
- Đoàn kết có điều kiện, có nguyên tắc, trong đó điều kiện để đoàn kết là đấu tranh, đấu tranh để càng đoàn kết hơn.
- Không đoàn kết theo phương pháp tùy tiện, gia trưởng, một chiều, phải đoàn kết trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của phép biện chứng duy vật.

Những nguyên tắc trên gắn bó với nhau để đạt tới một mục đích chung là giành thắng lợi trong mục tiêu đoàn kết. Những nguyên tắc ấy cũng có thể coi là phương châm đại đoàn kết của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những luận điểm khoa học về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá xã hội, là sản phẩm của tư duy độc lập, sáng tạo của Hồ Chí Minh kết hợp với tri thức, tình hoa của Việt Nam, của nhân loại. Tư tưởng đó nhằm định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta đấu tranh giành độc lập dân tộc; tiến lên xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc.

“Xuyên suốt hệ thống luận điểm khoa học của Người là tư tưởng đoàn kết và tập hợp phát huy sức mạnh lực lượng cách mạng trong nước và quốc tế. Với tầm cao trí tuệ và chủ nghĩa nhân văn cộng sản, Hồ Chí Minh đã giải quyết nhuần nhuyễn các mối quan hệ vô cùng phức tạp giữa dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế thuận theo xu thế khách quan của thời đại”⁽¹⁾.

Trên thế giới cũng như ở nước ta, không ít người đã nêu lên vấn đề đoàn kết, mà một trong những người tiêu biểu là Phan Bội Châu. Phan Bội Châu đã từng hô hào “nghìn muôn ức triệu người trong nước, xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà”, “người dân ta, của nước ta, dân là dân nước, nước là nước dân”, “cốt rằng người trong nước chung nhau một lòng”... Phan Bội Châu nêu lên mục đích “hợp khối cát chất nên non Thái, hợp ngàn dòng nên cái biển Đông”. Phan Bội Châu hy vọng rằng: “Nếu cả nước đồng lòng như thế, việc gì coi cũng dễ như không. Không việc gì, việc không xong” và Phan Bội Châu quả quyết rằng “Nếu không xong, quyết không có Trời”.

(1) Đề tài KX02-07: Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh - Tài liệu của Chương trình KX-02.

Phan Bội Châu cũng cho rằng: “Hai mươi triệu số người trong nước đều là cháu con một họ, chia ra 5 hạng người”. Ông cũng chủ trương đoàn kết tất cả những người đồng tâm là “phú hào, quan tước, thế gia, sĩ, lính tập, côn đồ, nghịch tử, nhi nữ, anh sĩ, bồi bếp, thông ký, người di du học, cữu gia đệ tử (con cháu các gia đình mang hận thù với địch)”... Nhưng Phan Bội Châu lại coi hạng phú hào, quan tước, sĩ, người du học nước ngoài là những hạng người lớp trên, giàu có, coi họ là động cơ chính của cuộc vận động cách mạng, “Dựng nền độc lập, xướng bài tự do...” Phan Bội Châu cũng đã đề cập tới việc thu phục đồng bào thiểu số ở vùng thượng du, nếu “khéo vận động thì đó là người của ta, sẽ là mầm mống của sự nghiệp bá vương, nếu bỏ qua đi, thì họ sẽ theo người khác, sẽ là cái mồi chôn vùi nước ta”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử qui định và do nhiều nguyên nhân khác, Phan Bội Châu đã không nhận thức được những điều cơ bản dưới đây trong đại đoàn kết theo cách của ông.

Phan Bội Châu không đánh giá đúng vai trò của nông dân, lực lượng chiếm tới 90% dân số Việt Nam, tầng lớp cơ cực cần được giải phóng và sẵn sàng hy sinh cho công cuộc giải phóng, một khi được vận động, giác ngộ, tổ chức.

Ta còn biết rằng, mặc dù Phan Bội Châu hiểu khá rõ “sĩ, nông, công, thương”, nhưng ông lại không đưa tầng lớp thương nhân vào tư duy đoàn kết của mình. Phải chăng đây cũng là sự coi thường đến khinh rẻ “bọn buôn bán” dưới mắt một nhà nho, của kẻ sĩ? - dù rằng bản thân cụ Phan cũng đã có những hoạt động kinh doanh để lấy tiền chi phí cho cách mạng.

(1) Tất cả những câu trích dẫn của Phan Bội Châu đều lấy từ Phan Bội Châu, toàn tập của Chương Thuá, NXB Thuận Hoá, 1990.

Phan Bội Châu lập đảng mà chưa có điều kiện, thời gian lập mặt trận. Và cụ Phan Bội Châu cũng chỉ mới làm được việc đưa học sinh ra nước ngoài, sang Nhật học, bị Nhật đuổi lại về Trung Quốc, sang Xiêm và giết được vài ba kẻ gian ác, “Một cuộc đời trăm thất bại”, nhưng tinh thần yêu nước, tấm gương của cụ đã gieo mầm cho các thế hệ cách mạng sau này.

Nguyễn Ái Quốc, trong khi “đại đoàn kết” toàn dân, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và qua thực tiễn của Việt Nam, và của bản thân, đã đánh giá rất đúng các tầng lớp xã hội, giác ngộ họ, đưa họ vào con đường đấu tranh.

Theo Nguyễn Ái Quốc, nông dân... “lại phải è cổ ra mà chịu sự bảo hộ (của Pháp) một cách thảm hại hơn: là người Việt Nam họ bị áp bức, là người nông dân họ bị người ta ăn cắp, cướp đoạt, tước đoạt, làm phá sản. Chính họ là những người phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch. Chính họ làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người bị khai hoá và những bọn khác hưởng. Mà chính họ thì lại sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi”⁽¹⁾.

Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra chìa khoá để đưa nông dân vào phong trào cách mạng: “Nếu hiện nay, nông dân vẫn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo”⁽²⁾.

Bên cạnh những điểm mạnh của nông dân, Nguyễn Ái Quốc cũng đã tìm ra những điểm yếu: “Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy”⁽³⁾. Người phê phán những quan niệm sai lầm về

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Sđd, tr.180.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Sđd, tr.230.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Sđd, tr.242.

nông dân. Bởi vì “những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, nịnh nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất chỉ dẫn đến chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lênin mà thôi”⁽¹⁾.

Cũng như khi xem xét về nông dân đối với các thành phần khác trong xã hội, các phong trào thế giới, các quốc gia, các lãnh tụ, nhà hoạt động chính trị, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh bao giờ cũng có sự đánh giá đúng đắn, theo chiều phát huy “cái thiện”, cái tích cực để cùng nhau đoàn kết.

Nhờ có sự thông cảm sâu sắc với mỗi tầng lớp, đánh giá cao những ưu điểm của họ, tìm ra những điểm tương đồng trong mọi đối tượng, dẫn dắt họ đi theo con đường của Đảng - bộ tham mưu của giai cấp công nhân, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, của cá nhân con người Hồ Chí Minh, cũng như thông qua các hội, các mặt trận, đã gặt hái được nhiều kết quả quyết định trong quá trình cách mạng Việt Nam.

Coi chiến lược đại đoàn kết là ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng cách mạng để giải phóng con người, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và đưa xã hội phát triển lên, Hồ Chí Minh đã “thu phục, thuyết phục, chinh phục” mọi người bằng nhân cách cá nhân mình, bằng những bài nói, bài viết chân tình, bằng những phương pháp ứng xử tài tình, tuyệt vời về mặt tổ chức⁽²⁾.

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1, Sđd, tr.157-158.

(2) Theo thống kê bước đầu của Viện Hồ Chí Minh:

- Từ năm 1954 đến 1969, Hồ Chí Minh đã viết 20 bài trực tiếp về vấn đề tôn giáo (Thiên chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành, Hòa Hảo).

- Từ năm 1954 đến 1964, Hồ Chí Minh đã viết 265 bài về vấn đề đoàn kết

Trước khi lập ra Hội (Mặt trận) đoàn kết ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia, hoặc đứng ra sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pháp, Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức, một ở Pháp (châu Âu), một ở Trung Quốc (châu Á). Tuy thời gian tồn tại hoạt động của hai hội này không lâu, phạm vi hoạt động còn hạn chế, nhưng hội đã đánh thức được những người dân bị áp bức, chỉ rõ cho họ thấy nguyên nhân vì sao họ bị đói khổ, ai là bạn, ai là thù của họ, cũng như chỉ dẫn cho họ thấy con đường phải đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin để tự giải phóng. Có thể coi đây là một "thể nghiệm" ban đầu về tổ chức đại đoàn kết theo cách của Hồ Chí Minh.

Trong những bước đi tiếp sau, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết đã được vận dụng trong việc lập ra các hội Ái hữu, Thân ái, Công hội, v.v., trong các tầng lớp nhân dân, ở nông thôn cũng như thành thị Việt Nam. Là những tổ chức đại đoàn kết đầu tiên được thực hiện trong nước, những tổ chức ấy đã khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng đại đoàn kết, của chiến lược, của phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh, đã tập hợp được một lực lượng đông đảo quần chúng tham gia cách mạng, đã nói lên tiếng nói thực tiễn góp phần vào các mặt trận dân chủ, dân tộc sau này của Đảng.

Điểm cao nhất (trước Cách mạng tháng Tám) về thành công của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là việc thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), do Hồ Chí Minh đề xướng và được Trung ương chấp nhận. Có thể coi Mặt trận Việt Minh bấy giờ là lực lượng mạnh mẽ nhất, tổ chức chặt chẽ nhất, đấu tranh khéo léo nhất về chính trị, quân sự, là một tổ chức có uy tín lớn nhất trong nhân dân ta - nhất là ở vùng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; là dòng sông lớn đưa con thuyền

cách mạng đến Tổng khởi nghĩa thành công, giành lại chính quyền vào tay nhân dân.

Sau khi nước Việt Nam tuyên bố độc lập (ngày 2 tháng 9 năm 1945), các lực lượng phản động quốc tế (Anh, Pháp, Tưởng...) đã liên kết với nhau, âm mưu bóp chết nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Nhưng dưới ngọn cờ đại đoàn kết, bằng những hành động như “dành” một ghế đại biểu Quốc hội, “nhường” một số ghế bộ trưởng cho phía Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam Cách mạng đồng minh hội, thành lập Chính phủ liên hiệp, rồi Chính phủ liên hiệp kháng chiến, dưới bàn tay chèo lái, ứng xử tài tình tuyệt vời của Hồ Chí Minh, con thuyền cách mạng Việt Nam vẫn giương cao được ngọn cờ đại đoàn kết, đã tránh được nguy cơ “Ngàn cân treo sợi tóc” để vẫn vững vàng bước tới.

Mặt trận Việt Minh đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình và đã “bàn giao” cho các mặt trận tiếp theo để lãnh đạo kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thắng lợi, tiếp đó là xây dựng nước Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đối với trong nước là như vậy. Đối với quốc tế, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã phân biệt được “Bọn tư bản cá mập với nhân dân lao động chính quốc, với nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới”, đã phân hoá được kẻ thù, đã “đưa ngược trở lại” chiến tranh vào sân nhà của kẻ thù. Những tổ chức “chống chiến tranh bán thù” ở Pháp, những tổ chức chống chiến tranh xâm lược Mỹ vào Việt Nam ở các thành phố của Hoa Kỳ, với sự tham gia đông đảo của hàng chục vạn người, với các thành phần xã hội, tôn giáo, màu da... của nước Pháp, Mỹ cũng nói lên được một kết quả quan trọng về tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh trong suốt

quá trình giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam.

Trong bài *"Ba mươi năm hoạt động của Đảng"* viết cho tạp chí *Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội* số tháng 2 năm 1960⁽¹⁾, Hồ Chí Minh đã tổng kết:

"Sở dĩ đạt được những thắng lợi ấy là vì:

- Đảng ta luôn luôn đứng trên lập trường vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân, biết vận dụng lý luận Mác - Lê-nin vào tình hình thực tiễn của nước ta.

- Đảng ta khéo tập hợp mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, thực hiện đoàn kết dân tộc để đấu tranh chống đế quốc và phong kiến...

- Đảng ta đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức".

Qua ý kiến trên, có thể kết luận: "Tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh là một trong ba yếu tố cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là kết quả to lớn nhất mà tư tưởng đại đoàn kết đã đem lại đại thành công".

Tổng Bí thư Đỗ Mười đã khẳng định:

"Đảng Cộng sản Việt Nam rất vui mừng nhận thấy trong 65 năm tồn tại và phát triển qua mỗi thời kỳ với những hình thức khác nhau, Mặt trận Dân tộc thống nhất đã lớn mạnh không ngừng, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân và có những đóng góp hết sức to lớn, thực sự là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của nhân dân Việt Nam"⁽²⁾.

(1) *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 8, NXB Sự thật, 1989, tr. 605-606.*

(2) *Báo Quân đội nhân dân, ngày 19-11-1995 - Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Lễ kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*



Công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo đến nay đã qua hơn 10 năm.

Nhân dân ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, có những kết quả chưa từng thấy ở xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những cái được, bên cạnh thời cơ thuận lợi vẫn tồn tại những nguy cơ không thể xem thường.

Trong tình hình trên và đứng trước sự nghiệp cách mạng mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, vấn đề đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh có đóng góp gì và sẽ được vận dụng như thế nào? Đó là vấn đề cần được quan tâm và vận dụng vào hoạt động thực tế.

Trong khi chúng ta thấy cần thiết tăng cường mở rộng Mặt trận, thì có những quan niệm muốn thu hẹp hoạt động của Mặt trận, có những ý kiến bài bác, chê bai một số việc làm của Mặt trận, thực chất muốn hạ thấp vai trò của Mặt trận, suy cho cùng là xem nhẹ tư tưởng đại đoàn kết, phủ nhận tính chất trường tồn, vĩnh cửu, kim chỉ nam của tư tưởng ấy.

Mục tiêu của Đảng ta là đem lại hạnh phúc cho dân, Đảng và dân ta thống nhất về lợi ích “Cách mạng là con thuyền mà dân trao cho Đảng làm người cầm lái. Con thuyền cách mạng đi tới đích thắng lợi là nhờ sức dân”⁽¹⁾.

Xưa cũng thế, nay vẫn thế, sau này vẫn sẽ như thế, đã là cái bất biến. Chân lý phổ biến là “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Vấn đề là làm sao cho “dân liệu” được. Câu trả lời rất đơn giản: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân”.

(1) *Độc Mươi. Sđd.*

“Đại đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến chống Mỹ thắng lợi là nhờ phát huy truyền thống đó. Ngày nay, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc càng đòi hỏi tăng cường đại đoàn kết hơn bao giờ hết. Đó là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới phát triển sâu rộng hơn nữa, chúng ta cần thực hiện tốt hơn việc mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, miễn là không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, vượt qua khác biệt, tôn trọng tính đa dạng của cộng đồng, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam yêu nước, mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, dù ở trong nước hay ở nước ngoài đều có cơ hội góp sức vào sự nghiệp chung của đất nước, phát huy tối đa sức mạnh bên trong của toàn dân để tiếp thu nguồn lực bên ngoài, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống với sức mạnh thời đại, tranh thủ thời cơ, phát triển đất nước”⁽¹⁾.

Tổng Bí thư Đỗ Mười cũng đã nói: ‘Để làm tròn nhiệm vụ cao cả đó, chúng ta cần không ngừng củng cố và mở rộng tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam’⁽²⁾.

Việc mở rộng tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chính là vừa thực hiện, vừa phát triển lên một tầm cao mới tư tưởng đại đoàn kết toàn dân. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, mỗi khi gặp khó khăn, mâu thuẫn nội bộ, nhân dân ta, Đảng ta lại quán triệt sâu sắc hơn và

(1) (2) Đỗ Mười, *Sđd*.

vận dụng, thực hiện hiệu quả hơn tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng đại đoàn kết của Người.

“Ngày nay, trước những thời cơ và nguy cơ, chúng ta không có con đường nào khác là đi theo tư tưởng Hồ Chí Minh, theo ngọn cờ đoàn kết Hồ Chí Minh đang vẫy gọi, nhằm động viên toàn dân nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, phát huy truyền thống đại đoàn kết vì lợi ích tối cao của dân tộc, đồng tâm nhất trí đưa đất nước ta vững bước tiến về phía trước, vì tương lai của Tổ quốc và tiền đồ của dân tộc, vì thế hệ hôm nay và con cháu mai sau”.⁽¹⁾

Hòn ngọc tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh vẫn mãi mãi ngời sáng và luôn luôn chiếu rọi con đường cách mạng của Đảng và dân tộc ta.

(1) Đỗ Mười, Sđd.

DÂN TỘC VIỆT NAM, DÂN CHỦ HỒ CHÍ MINH^(*)

C hữ “dân” đầu tiên có trong *Luận ngữ*, cuốn sách chất lọc toàn bộ tư tưởng triết học của Khổng Tử, cuốn sách mà chắc chắn cậu bé Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đã đọc và để lại dấu ấn cho tới khi đã là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó là câu: “*Dân đức quy hậu*” (Dân trở nên thuần hậu...) trong câu “Cẩn thận trong tang lễ cha mẹ chết, tế tự tổ tiên... thì dân trở nên thuần hậu”. Ở chương 19, có câu “*Hà tác vi dân phục*” (Làm gì để dân phục?), câu trả lời của Khổng Tử là “Dùng người chính trực, bỏ người tà vạy thì dân phục”. Khi Tử Công hỏi về việc nước, Khổng Tử nói rằng: “Nếu dân không tin phục, thì nước không thể đứng vững được”. Khổng Tử còn nói: “Hữu quốc, hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an, cải quân vô bản, hoà vô quả, an vô khuynh”⁽¹⁾ là đã đề cập tới một mức độ nào đó của “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”⁽²⁾, mong muốn “dân chủ” trong giàu nghèo, công bằng trong xã hội.

(*) Tham luận tại Hội thảo khoa học Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5-2000 do Học viện Chính trị quốc gia tổ chức.

(1) “Có nước, có ấp không lo ít dân mà lo không đều, không lo nghèo mà lo không yên. Nếu đã đều thì không nghèo, hoà không ít, yên không nghiêng đổ”. *Luận ngữ*, NXB Văn học, 1992. tr.592. Bác Hồ còn nói: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng”.

(2) “Dân là quý, xã tắc còn đứng sau, vua còn xem nhẹ”.

Khổng Tử chưa biết đến hai chữ “dân chủ” với khái niệm “dân làm chủ”. Lịch sử ngôn ngữ Việt Nam cũng phải chờ cho đến thế kỷ XIX, qua các Tân thư, các sách triết học Pháp của J.J. Rút-xô, Mông-tét-xki-ơ... mới xuất hiện trong đời sống chính trị, xã hội của mình danh từ “dân chủ” từ phương Tây đưa đến.⁽¹⁾

Ở phương Tây, danh từ “dân chủ” xuất hiện rất sớm trong xã hội La Mã, Hy Lạp. Từ điển bách khoa Xô viết năm 1986, trang 374, định nghĩa *démokpati* (dân chủ) như sau:

- Gốc từ hai tiếng Hy Lạp: *demos* là nhân dân, *kpati* tức quyền lực... “Là sự chấp nhận nguồn gốc của quyền lực, quyền của dân tham gia và giải quyết những công việc của Nhà nước”. Dân chủ chân chính chỉ có thể có trong một xã hội xã hội chủ nghĩa, nơi mà dân chủ tức là quyền hạn của dân, tự do của dân không những được Nhà nước chấp nhận mà còn phải bảo đảm bằng luật pháp, nơi mà chính quyền vì dân, do dân, nơi mà dân chủ được thực thi rộng rãi, đầy đủ bằng sự tham gia của đông đảo nhân dân trong quản lý điều hành sản xuất, trong xã hội và cả trong các công việc của Nhà nước”.

Từ điển Pháp năm 1976 giải thích về *démocratie* (dân chủ) “Là một hình thức tiến hành của một chính phủ mà trong chính phủ ấy, nhân dân thực hiện quyền lực tối cao của mình”. *Hán - Việt từ điển* của Đào Duy Anh định ra nghĩa Việt, dân chủ là chủ quyền quốc gia thuộc về toàn thể nhân dân.

Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam tập I năm 1995 chú thích: “dân chủ” là hình thức thiết chế chính trị của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự

(1) Dân chủ của Nho giáo là “làm chủ dân”.

do. Dân chủ gắn với công bằng xã hội, chống áp bức bất công được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm” (tr.653).

600 năm trước Công nguyên (TCN), ở châu Âu đã xuất hiện và hoàn thiện nhà nước dân chủ chủ nô Aten (Hy Lạp). Lãnh tụ phái dân chủ Périclès (449 - 429 TCN) đã duy trì những “dại hội nhân dân hội đồng”; “mười ngày họp một lần”, toà án có 6.000 thẩm phán và cho phép mọi công dân đến dự phiên toà đều có quyền bào chữa cho bị can. Périclès còn quy định chế độ bầu cử các quan chức nhà nước bằng bốc thăm, nên mỗi công dân Aten đều có cơ hội nắm giữ các chức vụ của bộ máy nhà nước cho đến chức vụ cao nhất là quan chấp chính. Lịch sử đã khẳng định: “Nhà nước Aten là đỉnh cao của nền dân chủ cổ đại”, mặc dù đó chỉ là nền dân chủ của giai cấp chủ nô, và do đó nền dân chủ này còn bị hạn chế.

Nguyễn Tất Thành tiếp xúc với danh từ “dân chủ” qua các khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” của đại cách mạng Pháp 1789, trở trêu thay cũng là khẩu hiệu của Nhà nước Pháp với chính quyền thực dân đang đàn áp thống trị Việt Nam. Khi đã mất nước, dân bị nô lệ làm sao có thể có “dân chủ được”?

Khát khao độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, Nguyễn Tất Thành đã ra đi, sang ngay nước Pháp đang đô hộ Việt Nam, để tìm hiểu không phải về lý thuyết mà trên thực tiễn những danh từ đẹp đẽ ấy ra sao? Là thế nào? Và “dân” thời đại ngày nay có còn sức mạnh như Nguyễn Trãi đã từng nói “Đẩy thuyền, lật thuyền cũng là dân”?

Hơn 10 năm lao động trên biển cả, trên đất liền, trong nắng cháy cũng như trên tuyết lạnh, tiếp xúc với nhân

dân nhiều chủng tộc, đất nước, với các nền văn minh Âu - Mỹ cả mặt phải, mặt trái..., Nguyễn Tất Thành đã được ngấm vào xương máu mình thế nào là tự do, dân chủ...

Cho đến vào khoảng năm 1917, đến nước Pháp rồi sống ở Paris, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc cũng đã được phần nào tự do, dân chủ cho bản thân mình. Tuy là công dân một xứ bảo hộ, có tư tưởng và hành động chống chính phủ ở Đông Dương, nhưng trong một phạm vi nhất định, Người vẫn có được quyền cư trú, đi lại, hoạt động, viết báo công kích quan lại, công sứ, toàn quyền ngay giữa thủ đô nước Pháp...

Nhưng Nguyễn Ái Quốc không phải chỉ mưu cầu tự do, dân chủ cho riêng mình, mà là cho cả một dân tộc. Trên đất Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cứu nước "là đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin" và phương pháp cứu nước là "đoàn kết nhân dân, dân tộc, dựa vào nội lực sức mạnh nhân dân để tự giải phóng".

Các nhà yêu nước, văn thân, lãnh tụ nghĩa quân như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đều rất giàu lòng yêu nước, đã quyết chí hy sinh xẻ thân cho non nước Việt. Nhưng các ông còn có một hạn chế là chưa nhìn ra sức mạnh của dân, chưa có cách liên kết sức mạnh từng người dân thành một khối, chưa có cách quy tụ năm ngón tay thành một quả đấm... Muốn giành được tự do, dân chủ, độc lập... phải có sức mạnh. Sức mạnh ấy là vốn có ở trong dân. Vấn đề đặt ra là làm sao để có, để nắm được, để tổ chức, phát huy sức mạnh ấy?

Đôi với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh câu trả lời duy nhất là đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân. Đó cũng là câu trả lời bạn bè, đồng chí khi Người rời Pháp năm

1923 để trở về Tổ quốc. Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết trong “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ” rằng quan lại (thời phong kiến Việt Nam, TG) được tuyển lựa theo con đường dân chủ: Con đường thì cử mở rộng cho mọi người và mọi người có thể chuẩn bị thì mà chẳng tốn kém gì (nhấn mạnh trong nguyên văn). Dù bị hạn chế, nhưng việc bổ nhiệm các “gián quan”, quan lại được quyền dâng tấu “góp ý kiến” với nhà vua, những cuộc họp bàn bạc dân chủ (như Hội nghị Diên Hồng...) cũng được coi là “dân chủ” ở trong xã hội Việt Nam.

Căn cứ vào thực tiễn tình hình xã hội Việt Nam thấy được sự hạn chế của chủ nghĩa Mác ở phương Đông, qua những bài học lịch sử của dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã tìm kiếm sức mạnh của dân không phải chỉ trong đa số là nông dân, công nhân mà cả trong thiểu số: Trí thức, phú nông, địa chủ, tư sản... không phản bội Tổ quốc, không chống lại cách mạng. Không thể vận dụng ở Việt Nam mô hình “chính quyền Xô viết công nông” dập khuôn của nước Nga cũ, Nguyễn Ái Quốc chủ trương quyền làm chủ là của mọi người dân trong đó vẫn tôn trọng quyền cao nhất là của đa số. Đoàn kết nhân dân trong nước Việt Nam, để có một sức mạnh lật đổ chế độ bất công, theo Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh là ‘đoàn kết mọi người yêu nước Việt Nam, không kể người giàu, kẻ tiện, già trẻ, gái trai, kể cả những người làm việc với Tây, di lính cho Tây’ (*Báo Việt Nam độc lập* - 1942); “Không phân biệt họ thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, tầng lớp nào và quá khứ họ đã hợp tác với phe nào (ngày 5 tháng 9 năm 1955)... Hồ Chủ tịch, ngày ngày 5 tháng 4 năm 1948 đã nói: “Nước lấy dân làm gốc”. Nước không phải của riêng ai, dân không phải chỉ một vài gia đình xã hội. Toàn dân là cái gốc, nên “Gốc có vững, cây mới bền; xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Hai câu

“nhân dân” chính là định nghĩa chữ “gốc” và “nền”, là người chủ của đất nước, là dân chủ.

Sau mấy chục năm nằm gai, nếm mật nơi đất khách quê người, trở về nước lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, ngay trong một khu giải phóng, một “Nước Việt Nam mới” thu nhỏ, Hồ Chí Minh đã thấy xuất hiện những mầm mống thiếu dân chủ “coi thường dân, ức hiếp dân, không tôn trọng dân...” và có thể đưa dân đến chỗ xa rời cách mạng”... (*Báo Việt Nam độc lập*). Tiếp đó ngày sau khi chính quyền “dân chủ, cộng hoà” được xây dựng trên toàn cõi Việt Nam, những khuyết tật, bệnh hoạn của bộ máy nhà nước vừa mới thành lập ở một nước thực dân phong kiến cũ lại xuất hiện, khiến Chủ tịch nước đã phải liên tiếp bằng mọi hình thức cảnh báo, răn dạy, ngăn ngừa... những hành vi, thái độ phản dân chủ trong bộ máy chính quyền.

Ngày 15 tháng 10 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đăng trên báo *Sự thật* bài: “Dân vận”. Phần đánh dấu La Mã số I có nhan đề: “Nước ta là nước dân chủ”, 73 từ trong mục I này trong tổng số hơn 600 từ của toàn bài, thì 6 chữ đầu đề là một “tuyên ngôn” về tính chất loại hình xã hội nước Việt Nam, một sự khẳng định, một kết luận bất di bất dịch cho hiện tại và cả mai sau, hiện thực của một mơ ước, nguyện vọng mấy ngàn năm của dân tộc Việt Nam là “Nước phải do Dân làm Chủ”.

Mở đầu mục I này, Hồ Chủ tịch viết:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân...”

và câu cuối cùng là:

“Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Và công tác dân vận chính là công tác vận động “quyền hành, lực lượng ở nơi dân, phục vụ lợi ích của dân”.

Vậy “lực lượng” và “quyền hạn” của dân là những gì? Đó là “Đoàn thể (có thể hiểu là Đảng, các đoàn thể cứu quốc, hội quần chúng) từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên”; “Chính quyền từ xã đến Trung ương do dân cử ra”; “Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân, công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”.

Thật là rõ ràng. Đoàn thể, chính quyền từ Trung ương đến xã do dân “tổ chức” nên, dân “cử ra” chúng tỏ quyền hạn của dân. Dân cử ra, “tổ chức nên” thì dân có quyền phê bình, nhận xét, tham gia ý kiến để tổ chức ấy, chính quyền ấy luôn luôn vững mạnh, vì lợi ích của dân chứ không phải vì lợi ích của một nhóm người, nhất là nhóm người trong tổ chức, chính quyền ấy...

Lực lượng của dân là để kháng chiến thắng lợi, thắng lợi rồi phải kiến quốc thành công. Kiến quốc là xây dựng, là đổi mới cần phải có lực lượng của dân, là trách nhiệm của dân. Công tác dân vận là làm sao cho từng người dân hiểu rõ lực lượng của mình, trách nhiệm của mình để kiến quốc. Người dân chỉ có thể thấy trách nhiệm của mình khi thấy ý kiến của họ, lực lượng của họ được đưa vào công việc kiến quốc, xây dựng, đổi mới, nhằm mục đích đem lại lợi ích cho họ, chứ không phải cho một thiểu số tham ô, lãng phí, bóc lột dân, đàn áp dân, dọa nạt dân, khinh miệt dân... Thử hỏi làm như vậy, làm sao dân có thể có “trách nhiệm” để đem lực lượng của mình ra “đổi mới”, “kiến quốc”, “xây dựng”?

Trong “dân chủ” của dân tộc Việt Nam còn có đạo lý, có văn hoá, có văn minh, có công bằng, có nhân cách con

người tham gia dân chủ, có yếu tố khẳng định mình để hoà nhập, độc lập mà hoà hợp, biết hy sinh, bao dung nhường nhịn...

Làm sao có thể nói dân chủ được khi có kẻ “ngồi mát ăn bát vàng”, tham ô, tham nhũng, “kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra”? Khi ruộng đất, xí nghiệp, nhà máy là tư hữu của một thiểu số, khi miền này thì sách báo thừa mứa, miền kia thì cả bản không “bói” đâu ra một tờ báo, một quyển sách? Làm sao có thể nói dân chủ được khi người dân không dám hé miệng phê bình các quan chức, sợ hãi họ vì nhiều lý do: sợ bị trù dập, sợ bị vu cáo, sợ bị bắt giam, thậm chí bỏ mạng? Cũng ở châu Âu, nơi tự coi là có “truyền thống dân chủ”, đã có một câu như sau: “Chủ nghĩa độc tài chỉ có một kẻ độc đoán khuất phục dân. Chủ nghĩa dân chủ giả hiệu lại có thể sinh ra nhiều kẻ bạo ngược” (*Từ điển cách ngôn*, NXB Larousse, 1960, chương “Dân chủ”, trang 125).

Hồ Chí Minh đã đưa lại ruộng đất cho nông dân, trả lại nhà máy cho công nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức lao động vì dân vì nước... Suốt cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh lo lắng, mong ước sao cho dân chủ được thực hiện ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, cho khoảng cách miền đồng bằng, miền cao rút ngắn lại, mong càng ngày càng bớt đi người cô quả, nghèo hèn để ai cũng có quyền được sống tự do, bình đẳng, dân chủ xây dựng chính quyền, đất nước trong một tình thương hữu ái, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành, được chữa bệnh, vào nhà thương khi ốm đau, ai cũng biết đoàn kết để sản xuất, đã đủ ăn thì đủ ăn hơn, đã giàu có càng giàu có hơn... không bị o ép, đe nẹt, trù dập, áp bức.

Bản thân nhân cách của Hồ Chí Minh là một dân chủ lớn: Lắng nghe từ Bộ Chính trị đến đồng chí bảo vệ, nuôi

quân góp ý kiến, phê bình và sửa chữa; tôn trọng người già, gọi các cụ, xưng là “cháu” dù đã là Chủ tịch nước; nhịn ăn để dành gạo cho đồng bào đói, nhường mọi ưu tiên vật chất cho chiến sĩ, thương binh, có một miếng cao mặt ong cũng “dân chủ” nấu cháo chia cho đủ 23 người; tôn trọng ý kiến người khác, tôn trọng phong tục tập quán, quyền độc lập, tự chủ của các nước dù là trái quan điểm với mình..., biết hy sinh ý kiến của mình vì lợi ích của dân.

Hiện nay có nhiều người, nhiều chính phủ tự xưng là “dân chủ”, nhưng họ đàn áp nhân dân, phân biệt màu da, “sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”, can thiệp vào nội bộ nước khác, xâm lược, chia cắt, cướp đất, lấn chiếm, xuất cảng “diễn biến hoà bình”, tở ngoài tai, nhắm mắt trước mọi sự lên án, phản nộ của nhân dân. Phải chăng họ đang tiếp tục cái gọi là “truyền thống dân chủ, của dân, do dân, vì dân?”

Trở lại câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh cách đây hơn 50 năm, chỉ trong 6 từ “Nước ta là nước dân chủ”. Câu nói đó dành cho toàn Đảng, toàn dân ta. Và chúng ta, cả nhân dân và cán bộ, đảng viên phải đem “quyền hạn”, “trách nhiệm” để thực hiện cho được lời dặn ấy của Ilô Chủ tịch.

Khi còn hoạt động bí mật cũng cần “dân chủ”. Giành được chính quyền, chống ngoại xâm đã khó, giữ vững chính quyền càng khó, do đó càng phải “dân chủ” hơn, bảo đảm cho dân có thể nói, có thể đóng góp ý kiến, công sức, tiền của vì việc chung. Chắc chắn là để đi tới chủ nghĩa xã hội, con đường đặc thù của các nước thuộc địa đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ còn phải trải qua những giai đoạn chính trị và xã hội... “mà chỉ có thể đưa ra những giả thuyết khá mơ hồ mà thôi”⁽¹⁾. “Có thể” nghĩa là còn

(1) Mác - Ăng-ghen, Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia tập 38, tr.108, bản tiếng Nga.

rất khó, còn rất cần "lực lượng" của dân, của mọi người dân... kể cả những người "Nắm được những lực lượng sản xuất của xã hội để phát triển đến một trình độ đủ để có thể xoá bỏ mọi sự phân biệt giai cấp"⁽¹⁾. "Do đó, cả về mặt này, giai cấp tư sản cũng là một điều kiện tiên quyết cần thiết của mọi cách mạng xã hội chủ nghĩa"⁽²⁾.

Ở một chừng mực nào đó, có thực sự đoàn kết, đoàn kết thành tâm, đấu tranh để đoàn kết, đoàn kết cũng cần phải đấu tranh thì mới thực hiện được dân chủ. Liệu có thể nói rằng: Đoàn kết càng rộng, càng chặt chẽ, tinh thần dân chủ càng được đẩy mạnh, rộng rãi, bảo đảm hơn chăng?

Con đường đi đến dân chủ trong chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đối với dân với nước, đem lại, trả lại, bảo đảm cho dân chủ ở nước ta quả là còn dài lắm và còn gặp không ít khó khăn. Nhưng để xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, văn minh, một nước Việt Nam công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong sản xuất, không thể không cần mà càng cần phải có dân chủ, dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ Hồ Chí Minh, chân lý Hồ Chí Minh.⁽³⁾

(1), (2) Mác - Ăng-ghe-n, trích *Bản về những quan hệ xã hội ở Nga*, NXB Duy-nich, 1874.

(3) Chân lý là do sự tổng hợp tất cả các hiện tượng, hiện thực (thực tiễn) cùng với các mối quan hệ của nó tạo nên. Trích Lê-nin, *Toàn tập*, tập 38, tr.210.